

UAN BAO RA NGÀY THU BAY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHAO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HỒ

TRONG SỐ NÀY

- Thanh-niên thôn quê muốn gì ? PHẠM LỢI
- Hai cuốn sách nói về bệnh lao NGUYỄN ĐÌNH HẠO
- Các cách đã dùng để trị-tiểu ĐỖ XUÂN DUNG
- Nhật xuất (Kịch bốn màn —
Ngựa văn của Tào Ngã —
Tiếp theo) FĂNG THAI MAI dịch
- Một tâm hồn nghệ sĩ (nguyên
văn của Somerset Maugham —
tiếp theo) LÊ ĐÌNH CHÂN dịch
- Ý kiến bạn đọc: Mấy vấn-đề về
tiểu công nghệ Việt-Nam B. T. V.

NĂM THỨ NĂM, SỐ 149. NGÀY 28 tháng Bảy 1945

ĐIỀU BẢO: 15 PHỐ HÀNG ĐA HÀ NỘI Giấy số 19-43 GIÁ 1 \$ 20

ĐIỀU BẢO. — BẠC-KY, TRUNG-KY, NAM-KY, CAO-MIỀN, LAO 3 lb. 15500. 6 lb. 80500. 12 lb. 55500

BAO THANH - NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG - THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM - PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số ngày 4 tháng 8 1945

- | | |
|--|-------------------|
| - Cuộc cải cách giáo-ục ở nước Áo. | NGUYỄN XIÊN |
| - Các cách đã dùng để trị thủy ở Bắc-bộ. | ĐỖ XUÂN DUNG |
| - Đời sống Đông-dương : Ngân sách Trung bộ. | * * * |
| - Hai quyển sách nói về bệnh lao. | NGUYỄN ĐÌNH HẠO |
| - Một tam hồn nghệ sĩ (Tiếp theo) | LÊ ĐÌNH CHÂN DỊCH |
| - Y kết bạn đọc : Mấy vấn đề về Tiểu công nghệ
Việt-Nam | B. T. V. |

TIN BUỒN CHUNG

Bác-sỹ Vũ Ngọc Anh, Bộ-trưởng bộ Y-Tế và Dân-Sinh, và ông Đinh Việt Trị, Thanh niên lao-công, bị nạn máy bay đã tạ thế ngày 23-tháng Bảy dương lịch ở Bắc-bộ. 1945.

Trong dịp buồn này, Thanh-Nghị xin có lời kính viếng ông Bộ-trưởng Vũ Ngọc Anh với ông Đinh Việt Trị, chia buồn cùng Chính-phủ và gia-quyền hai ông.

THANH - MIÊN

thôn quê muốn gì ?

(VÀI NHÂN XÉT VỀ THANH-NIÊN QUA CÁC LÀNG)

PHẠM LỢI

Những ngày gần đây, báo chí cho ta biết nhiều tin tức về Thanh Niên. Những bài tường thuật có tính cách tán tụng, phóng đại: đoàn Thanh Niên làng X làm lễ thượng kỳ, đoàn của làng Y mở phòng báo chí, luyện ban bảo an, mở cuộc triển lãm. Một gương mẫu cho anh em Thanh Niên các làng v. v... Đọc rồi, ai nấy có cảm tưởng rằng phong trào Thanh Niên chốn đồng quê đang ở trong một không khí rất hoạt động, và các anh em sau lũy tre xanh phen này có dịp tiến xa.

Nhưng sự thực, nếu ta biết, thì trừ một đôi làng được điểm phúc có đoàn Thanh Niên bành trướng dễ dãi, còn gần hết ở thôn quê, các đoàn đang lâm vào bước rối ren, chật vật, và sắp sửa thành một trò cười cho bọn hương lý hủ lậu. Nếu ta về làng, xét gần gũi thì phải nhận rằng mỗi đoàn Thanh Niên, hay Thanh Niên Bảo An đều có một lịch sử tranh đấu rất gay go của nó. Anh em thôn quê đã phải vật lộn với bao trở lực trong việc tổ chức mới lập thành đoàn, cho đến bây giờ cũng vẫn còn bao nỗi khó khăn bên trong và bên ngoài nữa.

Nhiều anh Đoàn Trưởng chân thật đã phản nản với bài về trình độ thấp kém của những thanh niên đoàn anh: họ đang vào hàng nghị Thanh Niên để có cái vinh dự như một anh trai làng được cầm cờ lá lều trong một đám rước. Thêm vào đó những tật xấu truyền kiếp của hương hạ: rưng rưng năm bảy lần mới đến họp; Dối nhò là đi hội đồng ở ngôi khuya đánh bạc v. v. Cũng có nơi được vài tay lý dịch len lỏi xin nhập đoàn, hạng này vào đoàn với bộ mặt a-dua chỉ cốt tì eo phe nào có thế lực, bởi vì họ tưởng thanh-niên sẽ có nhiều thế lực. Hoặc cũng có kẻ vì một điều hiềm oán riêng hay vì e sợ mà xin nhập đoàn, những đoàn Thanh Niên có những phần-lử như trên thì tất chẳng làm trò trống gì được. Mà những đoàn gồm những đoàn-viên đứng đắn, nhiệt tâm thì lại lúng quẩn về tài-chính của đoàn không đủ để làm công việc ích lợi, vì đoàn viên phần đông thuộc vào hạng nghèo, những lo về sinh-kế, ít thời giờ nghĩ đến việc Đoàn.

Một đoàn gần Hà Nội, làng Y. P. hầu khắp trong đoàn là hi sinh giáo viên dạy Truyền-bá học Quốc-ngữ tại khu đó, đều là những thanh niên tận tâm với phận-sự hăng hái làm việc, thế mà khi kể chuyện thành lập đoàn, anh đoàn-trưởng đã phải nói: « Chúng tôi trải nhiều khó khăn lắm mới lập được đoàn Thanh Niên này ».

Đây là những nỗi khổ khăn về nội-tình của đoàn, anh em thôn quê sẽ trông ở lòng kiên-nhẫn cũng gỏi của mình mà cố vượt lên được. Còn đối với những trở lực bên ngoài, anh em phải cần được một sức giúp nào rất cố gắng, thì phong-trào Thanh Niên ở thôn-quê mới có thể tiến bước được. Kể tất cả những phần lực thì phe tổng lý là một cái họa lớn và mạnh nhất cho Thanh Niên. Chẳng những họ lãnh-đạm trước phong-trào mà còn ngăn cấm con cháu họ hàng không được «đầy» với Thanh Niên. Vào một buổi lễ-lễo cờ của đoàn Thanh Niên bảo an làng Y. S. tỉnh Hà Đông, có chiến-trống có diễn văn, có duyệt đoàn, lễ quốc-kỳ rực rỡ cụ nghi mở bay trên ngọn tre xanh, tất cả đã tạo nên một cảnh tượng trang-trang nghiêm-nghiêm vui vẻ. Thế mà chỉ có ào ào mấy người dân bà, trẻ con tựa góe cây xa xa mà ngó. Đoàn đã có một dân làng, kỳ lý nhưng họ không tới dự. Lễ tất, anh Đoàn Trưởng lúc nói chuyện đã thốt ra một câu bực dọc: «Làng tôi đã nhậm sáu bữa tục lẫn rồi nên tí nhiệt thành với việc cải cách. Lễ của Thanh Niên thì họ không dự, nhưng nếu ở đình có mở một con bò thì chỉ gõ một tiếng trống nhỏ, họ cũng đã kéo đến thật đông đủ.» Họ lãnh-nhật với công cuộc Thanh Niên còn là dễ chịu; ở nhiều làng bọn hương-lý còn ra mặt cản trở sự bành-chướng của Thanh Niên nữa. Họ phá hoại các đoàn Thanh Niên bằng sự đe dọa, thù ghét, vu cáo. Một vị tiên chỉ phú-lãng muốn phá-lũ-chức Thanh Niên trong làng đã thốt thục các nhà có con em vào Thanh Niên phải trả hết nợ và lại còn bắt thặng với họ rằng nếu không ngăn-lữn các con cháu, «ở đoàn thì từ nay sẽ đến cửa không cho vay mượn gì nữa».

S. C. thuộc tỉnh Bắc-tây có một số thanh-niên đang-lạc trẻ sôi-sảng, hiểu biết song không ai dám đứng-ra lập đoàn. Một

thanh-niên công chức người làng, khi được anh em khuyến-kích về việc đó đã phải từ chối và thú-thực: «Làng tôi hiện có một đoàn bảo an do một tên cường hào nham hiểm đứng đầu. Nếu bây giờ tôi về hớ hào lập thanh-niên thì hẳn sẽ tìm cách hãm-hại ngay. Một chừng có là cách đây-mấy năm, sau khi hẳn bị bọn trẻ chúng tôi tố-giác về việc tiêu-tiền quỹ của làng, hẳn đã lập mưu vu cáo tôi, thiếu chút nữa phải ngồi tù».

Bọn hương lý gian hùng thì lại tẩy-trừ thanh-niên bằng cách khác, khôn-khéo và chắc-chắn hơn; có khi họ đã trở-tráo đóng cả lẫn trở thanh-niên nữa: ở làng C. V. thuộc Hưng-Yên, viên-chánh tổng đã giải tán đoàn thanh-niên cũ để lập đoàn mới. Rồi tự đứng làm đoàn trưởng, cho viên lý trưởng làm phó đoàn-trưởng và các kỳ-kảo khác làm cơ-vấn. Tại làng T. L. thuộc Hà-đông, thanh-niên bảo an đoàn chỉ thót mười lăm người, còn Bảo-an đoàn của làng (nghĩa là của viên-chánh hội) thì ngày càng tăng thêm số đoàn viên, bởi một lẽ-rất dễ hiểu là viên-chánh hội vung-tiền ra mua chuộc những người nghèo túng vào đoàn, sắm đao mác cờ quạt và ban phát quần áo. Làng H. H. mặc dầu đã có đoàn thanh-niên, hai ông tiên và thứ-chỉ bỏ tiền ra cho «con cháu nhà» lập đoàn thanh-niên Bảo-an. Hai đoàn chen-nhau từng bước, thanh-niên đoàn tổ-chức lễ chào cờ thì thanh-niên Bảo-an đoàn cũng làm lễ thượng-kỳ, chỉ có một điều khác là thanh-niên Bảo-an đã hô to trước lá quốc-kỳ (nghĩa là trước tiên, thứ-chỉ):

Xin thề không xâm phạm đến quyền hành chính.

Xin thề trọng những luật lệ hiện hành

Về phía quan lại, ngoài một số ít người có sự-rộng, am-hiểu thời-thế, còn phần đông thì nửa-mai-mặt sát thanh-niên, nói đến thanh-niên một cách hằn-học. Có người

Mọi phong trào thanh niên hiện giờ là một thứ « loạn kiều binh ». Những khi tiếp khách, mỗi ông quan đó đều có vài ba câu chuyện tức cười, lố lửng hay lão sược của những thanh niên trong hạt mình, thuật cho khách nghe.

Mà thực ra nếu những ông đó đã cố ý ám hại thanh niên thì tất nhiên sẽ dễ dàng và công hiệu gấp mấy những sự vận-dộng của bọn tổng lý: ở phủ K. Đ; ông phủ trưởng đã sức cho các thầy chánh tổng, kèm cả tờ sức của ông tỉnh trưởng, bắt buộc bản danh-sách các thanh niên phải có chữ ký của kỳ hào và chức dịch trong làng áp triện nhận thực. Có ông bề ngoài tỏ ý khuyến khích đoàn thanh niên, nhưng thỉnh thoảng lại cho vời riêng một thanh-niên đến nhả khế cho biết — « Anh vào đoàn thanh-niên đây phải không? Nhà anh có vài ba mẫu ruộng vườn, nếu muốn được yên lành làm ăn thì phải liệu... » Còn có ông mạnh bạo cử ngay thầy Lục thầy Thừa ra đứng đầu thanh-niên hàng Huyện. Có ông tỏ ra vẻ cũng hoạt động về việc cải-cách, lập bên cạnh Đoàn thanh niên một hội Ai-hữu Tổng lý Một anh Đoàn trưởng làm việc với thanh niên mới mấy phủ huyện trong hạt H. D. có nói cảm tưởng của anh về các quan lại đối với thanh niên — « Chỉ một vài ông dễ chịu. Dễ chịu vì các ông ấy không để ý gì đến thanh niên cả »

Giữa cái tình trạng bộn rộn ấy, ông Bộ Trưởng bộ Thanh-niên gửi ra Bắc-bộ một tờ thông tư nói về phong-trào Thanh Niên ở đất Bắc cần được chính-phủ săn sóc và khuyến khích. Tờ thông-tư ấy đăng trên báo ngày 6 tháng 7 dương-lịch. có hai khoản đáng chú ý:

- 1) Thanh Niên cấm ngặt không được can thiệp vào công việc hành-chính trong hạt mình.
- 2) Các quan sở tại lập tức tìm người và đề cử lên bộ Thanh Niên những người có đủ

điều kiện làm đủ tư cách lãnh cho những đoàn Thanh Niên trong hạt mình, đề bộ Thanh Niên xét và tâu nghị bổ nhiệm.

Bọn tổng lý cũng sợ gặm lặt tờ thông tư đó là nọt la búa họ thá. Riêng các Đoàn Thanh Niên tin người như lũ trẻ vừa phải nghe lời thầy nghiêm trách. Trong khi nhà Thanh Niên đất Bắc chạy ngược chạy xuôi đề bổ nhiệm được mấy vị Thủ lĩnh các tỉnh, thì đã nhều nơi, quan chức và hương lý vịn vào tờ thông tư trên giải tán một số khá đông các đoàn thanh-niên trong hạt, lấy cớ là bất hợp pháp, là đã dám can thiệp vào quyền hành-chính. Hai điều thông tư của ông Bộ Trưởng Thanh Niên quả đã có công hiệu và đã gây được ít nhiều dư luận. Cho nên mới có bài phỏng-vấn ông trong một số báo T. M. ngày 20 tháng 7-1945, và thanh-niên đã được nghe ông trả lời rõ về hai điều đó.

Từ khi ấy có lẽ Thanh Niên đồng quê đã phải dè dặt bước để muốn được yên, nhưng cũng chẳng được nữa. Anh Đoàn-trưởng mong một tờ sức bổ-nhiệm chính thức, cũng như các đoàn lên trong bản chương trình và quy-tắc của nhà Thanh Niên định đoạt cho để làm việc. Các Đoàn làm việc cầm chừng và chờ đợi hoang mang. Lại thêm bọn cường-hộc tổng lý thừa những phút nghiêm-trọng của thời sự mà đe dọa, thì nếu Đoàn không tự giải tán cũng phải ngủ im không dám cử người gì nữa.

Ông Bộ Trưởng bộ Thanh Niên đã nói rõ về việc bổ nhiệm thủ-lĩnh các đoàn. Bên chúng và thanh-niên địa phương được kén chọn, bầu lấy người Đoàn trưởng; nhưng phải giới thiệu với quan địa-phương để quan địa-phương xét rồi đề đạt lên Bộ Thanh Niên tùy nghi bổ-nhiệm. Đường rải phương-sách tuyên bố như vậy, hoạt nghe thì có phần kỷ lưỡng, thận trọng đấy; nhưng anh em thanh-niên thộn quê vẫn

phải phân vân tự hỏi : những người thủ-
lĩnh được nhân-dân suy cử lên, liệu ông
quan địa-phương có xét cho một cách vô
tư không ? và có thật lòng đề đạt lên Bộ
chăng ? Hay là những ông quan ít công
tâm lại dựa vào lời thông sức kia mà làm
khó dễ cho những người dân sỏi sỏi,
hoạt động. Cũng lại có thể có những ông
quan tự ý chọn người rồi đề cử lên Bộ, thì
những thủ-lĩnh như thế, hỏi có phải là
người xứng đáng được dân chúng toàn hạt
lên nhiệm không ?

Cho đến nay, nha Thanh Niên Bắc bộ mới
chỉ bổ nhậm được thủ-lĩnh của mấy tỉnh
và một hai người thủ-lĩnh huyện - đoàn.
Còn nhiều tỉnh, phủ, huyện chưa có ai và
tại cả Thanh Niên các làng xã đang mong
chờ được một người cầm đầu chính-thức.
Cũng bởi trong việc bổ-nhiệm thủ lĩnh này
Nha Thanh Niên muốn vừa làm vui lòng
người trên, vừa được lòng người dưới nên
mới có sự trì chệ đó.

Thanh niên vốn dĩ nhiệt thành bông-bột,
trong lúc đặt liền bước đã có một ít người
phạm vào một vài điều quá đáng. Đây là
một trạng-thai tâm-lý của bọn người ít
luôi, ơ lạng sung sức và tính hăng hái sẵn
có lời keo ai, nên dễ thành ra khích bác,
tan lạo. Lúc làm việc, phải đụng chạm với
những giới khác, thanh niên không giữ
được thái độ hòa bình. Có người tự do
xáo vào nhà người khác để lục soát
kiếm diêm, bắt bài bạc. Như thế không đủ
còn có người làm giấy xin với ông Xã
trưởng chợ thủ-lĩnh thanh niên được ít
ra là ngang hàng với ông tỉnh trưởng.
Nhưng ta hãy xét công việc của đa-số :
đã có làng được thấy thanh niên làm lễ
thề quyết không cờ bạc, không rượu chè.
Vì lòng lạng hái, nhiều đoàn đã hăm hụi
dưới mưa nắng để đắp đường, sửa cầu cho
làng, quên ăn ngủ mà hợp tác với lý-dịch
vì lợi ích chung. Còn có thanh niên đã quyết

liệt kỷ vào tờ giấy tờ cáo chính người thôn
thuộc mình về việc phá thu. Xem thế thì
biết cái trạng th'í tâm lý nói trên không
phải đã làm cho thanh niên sai lạc cả. Vậy
sao lại có thể bằng cứ vào số ít người mê
mụ mà nghi-ngờ tất cả thanh niên, khu
hẹp phạm vi hoạt động của thanh niên lại ?
Sao Bộ thanh niên không nhân cơ hội tốt
này mà điều khiển cái lực lượng sẵn có và
quí báu của thanh niên để làm việc ích
chung ? Trong lúc này, ở sau lũy tre, bọn
cường hào và lý-dịch tham nhũng đương
như ngồi trên bàn chống gai, đương phải
mềm người để khiêm tốn với lũ dân mà
trước kia họ vẫn đè nén. Dân quê, trái lại,
được dịp vươn mình lên chốn sáng sủa,
cởi bỏ và hiệp với thanh niên để nỗ lực
làm những công cuộc cải cách. Nếu nhà
cầm quyền nhân cái đà ấy mà sửa lại chế-
độ hương thôn thì tưởng không lúc nào
thuận-tiện hơn nữa.

Nói rút lại, hiện giờ Thanh Niên thôn quê
chẳng những thiết tha mong được một quy-
tắc và chương-trình nói rộng để làm việc,
mà họ còn mong rằng Nha Thanh Niên
cho đặt ngay ở mỗi xã, tổng, phủ, huyện
một người cầm đầu để điều khiển Thanh
Niên theo với chương trình đó. Những bạn
trẻ ở tỉnh phần đông là hạng thanh-niên
mẫn-tiếp lĩnh lợi, sự tổ chức và huấn luyện
ở đó cũng rất chóng vánh dễ dàng, thì dù
có phải chờ đợi ít lâu cũng chẳng hại gì.

(Xem tiếp trang 26)

SÁCH MỚI

Chúng tôi mới nhận được :

Thanh niên với quốc văn của Xuân Diệu,
Tiếng chuông cảnh tỉnh của Trần quang
Huyền do nhà xuất bản Thời Đại phát hành.

Chúng tôi xin cảm ơn nhà xuất bản và vui
lòng giới thiệu cùng bạn đọc.

T. N.

Hai cuốn sách mới về bệnh lao

NGUYỄN ĐÌNH HÀO

Hôm trước, bác-sỹ Lê-văn-Ngôn có viết một quyển sách giấy nói về Bệnh Lao, đã được Hội Khuyến-Học ở Saigon tặng giải thưởng chung với giáo-sư Hoàng-xuân-Hân, tác-giả quyển Danh-từ-Khoa-học. Giải thưởng ấy rất đáng giá vì là quyển sách đầu tiên bằng tiếng Việt-Nam nói về bệnh lao một cách đầy đủ và rõ ràng. Nhiều người đã viết về đầu đề này, nhưng đứng về phương diện không thiết thực, nên khó hiểu vì không ích-lợi cho độc-giả lắm. Như thế rất đáng tiếc, vì bệnh lao là một cái họa lớn cho nước ta cũng như cho nhiều nước khác, một bệnh-nhân là một cái gánh nặng cho gia đình và một sự nguy hiểm cho mọi người chung quanh, nên những điều cần thiết về bệnh lao nên được rất nhiều người hiểu biết một cách rõ ràng, để chữa bệnh và tránh bệnh.

Vì mục đích muốn cho phổ thông những điều vệ-sinh ấy, nên bác sĩ Nguyễn-đình-Hoàng vừa cho in ra một quyển sách đề tên là « Bệnh lao y-học phổ thông ». Trong ba mục lớn : những điều đại-cương, trạng thái bệnh lao và bài trừ bệnh lao. Trong mục đại-cương, tác giả nói về lịch-sử bệnh-lao, vi trùng lao, cách lây bệnh lao, vài điều thí nghiệm và vấn đề phản kháng (allergie) và bất phản-kháng (anergie) là vấn đề rất quan-trọng trong y-lý Âu-Mỹ, mới phát minh ra và đã thay đổi hẳn quan niệm của các nhà bác học về bệnh lao. Trong mục thứ hai, bác sĩ Hoàng nói về các thứ lao, nhưng chuyên trả về bệnh lao phổi là bệnh thông thường nhất trong các thứ lao. Tác giả kết luận bằng những điều cần thiết nên biết về cách bài trừ bệnh lao.

Những đầu đề ấy đều giảng một cách giản-dị rất dễ hiểu. Bác sĩ Hoàng là một nhà chuyên

môn có tiếng về khoa diện-học áp-dụng vào y-khoa, nên trong sách của ông có in những ảnh về bệnh lao phổi, có chú thích rõ ràng để độc giả có thể biết qua những tai-họa của trùng lao trong phổi người ta như thế nào.

Nói tóm lại, bác sĩ Hoàng đã tập hợp vào trong 136 trang giấy những điều cần thiết mà ai nấy dễ nên biết về bệnh lao, một trong bốn chứng nạn-y của ta.

Những quyển sách về y-học-phổ-thông như thế rất cần vì có nhiều người vẫn hiểu lầm về bệnh lao, mà những sự ngộ nhận ấy rất có hại cho bệnh nhân và cho những người chung quanh họ. Người ta hiểu lầm về y-lý bệnh lao, người ta hiểu nhầm về cách chữa bệnh lao.

Vì phương-diện y-lý, sự ngộ-nhận là không tin rằng bệnh lao là bệnh lây. Nhiều người tưởng rằng bệnh ấy là gia truyền, vì xét ra rằng trong một gia-đình, nếu một người có bệnh lao, người là lao-phổi, thì con và cháu cũng mắc bệnh ấy trong một chứng bệnh lao khác. Một vài nhà bác học cũng tin thuyết ấy, mà cho rằng bệnh-nhân có thể truyền cho con hoặc vi-trùng lao hoặc tạng lao (terrain tuberculeux).

Ta hãy xét kỹ cái thuyết ấy. Bảo rằng vi-trùng lao truyền cho con được thì vi-trùng ấy do bố hay mẹ mà ra. Nhưng về phần người bố thì chưa ai tìm thấy trùng lao trong tinh-dịch (sperme) cả. Hơn thế nữa, người ta chộp trùng lao vào tinh-dịch đối với những giống vật rất dễ chịu ảnh hưởng của trùng ấy, cách thí nghiệm ấy không bao giờ có kết quả cả. Nghĩa là người bố lạc không truyền bịnh cho con được.

Người mẹ có thể truyền vi-trùng cho con qua

bỏ rau (placenta) khi có mang được. Trong nhiều bệnh do vi-trùng sinh ra, nhiều khi người ta nghiệm thấy việc truyền vi-trùng như thế: người ta tin rằng đối với bệnh lao cũng thế. Vì vậy m. ở có vi-trùng ở rau thì trước hết vi-trùng ấy phải có ở trong máu đã: có lưu thông trong máu tại vi-trùng sau mới ngừng lại ở rau được. Sự thực thì bệnh lao không phải là bệnh có vi-trùng trong máu. Trùng Koch là giống rất khó sống trong máu. Năm 1930 một bác-sĩ người Áo nổi đã phát-mình ra một cách nuôi vi-trùng Koch và nhờ ở sự phát-mình ấy, ông cho rằng trùng lao thường có ở trong máu bệnh nhân. Sự phát-mình ấy làm chấn-động cả y-giới hoàn-cầu. Thật ra thì sự phát-mình ấy chỉ là một sự ngộ nhận mà thôi và hiện nay, hầu hết các nhà bác-học đều cho bệnh lao là một bệnh không có vi-trùng trong máu.

Một vài học-giả, đứng đầu là Aluminéro cho rằng người mẹ có bệnh, nếu không truyền cho con thì trùng Koch ta thường biết, thì cũng truyền được cho con một thể khác của trùng ấy, một thể rất nhỏ, gần như vô hình (ultra-virus tuberculeux). Từ trùng lao vô-hình ấy có thể thông-truyền sang cái thai của người mẹ lao được, nhưng bị tẩy-trừ đi rất chóng. Những đứa trẻ ấy sinh ra không mắc những chứng lao như ta thường biết mà chỉ gây yếu, sanh sao không sống được bao lâu.

Một thuyết nữa cho rằng nếu người ta không truyền vi trùng cho con cái được thì người ta cũng truyền được cái tạng lao (terrain tuberculeux). Còn người lao thì xanh sao gây yếu, hòm hèm, ngực lép, rất dễ lây bệnh lao. Hay trái lại thế, là đứa có tật, đau tim,

Vì một lẽ riêng, bài « Quyển báo của triều đình án và pháp lý trong sự » của ông Bùi-tướng-thiếu, tái bản lại lần sau này các vận lượng thứ.

T. N.

ho hen, thiếu máu, nhưng có sức chống lại bệnh lao hơn những trẻ thường.

Sự thật không như thế. Khi người lao đẻ con ra mà người ta đem ngay: đứa bé ấy đi nuôi chỗ khác, xa hẳn mẹ nó ra thì những đứa bé ấy sau sẽ nhớn lên như mọi đứa bé khác, không dễ mắc bệnh lao hơn ai. mà cũng không có cách chống lại bệnh ấy một cách khác thường gì cả. Kết quả ấy rất rõ rệt ở các công-cuộc từ thiện bên Âu-Mỹ chuyên về việc nuôi những trẻ em sinh thay cho những người mẹ mắc bệnh lao phổi.

Người ta lại cũng nhận một điều nữa, là những người hay mắc bệnh lao nặng lại chính là những người hay những dân-tộc sống biệt lập một nơi, không gần trùng lao bao giờ. Dân một da đen, ngày thường sống ở rừng rừ Phi-Châu, đều bị đem sang Âu-Mỹ thì rất dễ bị lây bệnh lao nặng. Người nhà quê khỏe mạnh, một khi ra tỉnh mà mắc bệnh lao thì chỉ trong vòng vài tháng có thể chết được. Trái lại, dân Do-Thái đời đời sống ở nơi thành thị đông đúc, có sức đặc biệt để chống lại bệnh lao. Cũng người thành thị, quanh năm hơn chen ở chỗ đông người hàng ngày đụng chạm với trùng lao, nên khi không may mắc bệnh, thì ít khi mắc phải cấp độ như người nhà quê ta vừa nói trên.

Nói tóm lại thì thuyết nói rằng bệnh lao là bệnh gia-truyền không có cần ở khoa-học nào chắc chắn cả. Ta có thể nói một cách chắc chắn rằng bệnh lao là một bệnh lây.

Nhưng lây bằng cách nào? Bác-sĩ Calmette chủ-trương thuyết nói rằng người ta lây bệnh lao vì ăn phải trùng lao trùng ấy vào dạ-ruột, qua màng ruột, chạy vào đường huyết-bạch, sang mạch máu rồi lan khắp cơ-thể. Tuy theo vi-trùng ấy nhiều hay ít, mạnh hay yếu, tùy theo các phản-kháng của cơ-thể, vi-trùng ấy hoặc bị tiêu

đi; hoặc sinh ra lao tại h hoặc lao một cơ quan nào, thường là phổi. Sở dĩ phổi hay mắc bệnh nhiều hơn (ở đây là vì mạch máu lồng và mạch bạch ở đó rất nhiều, trùng lao có thể đọng ở đây rất đông mà phát bệnh ra được.

Sơ lý thuyết ấy, người ta viện những lẽ sau này

1) Khi mổ tử thi một người chết vì một bệnh lao nào, (lao xương, lao màng óc, lao thận, v.v...) bao giờ người ta cũng thấy có lao phổi.

2) Cho rằng trùng lao ăn phải mà không để lại một thương tích gì ở bộ tiêu-hóa thì thật là trái với mọi sự thí nghiệm. Vì người ta xét nhận rằng chỗ nào trùng Koch đột-nhập vào cơ thể thì ở chỗ ấy thế nào cũng để lại một vết thương có thể tìm ra được.

3) Nếu trùng lao phải qua ruột mà vào cơ thể người ta thì những hạch của bộ ruột phải sưng to lên. Sự thực thì hạch ruột ít khi sưng như hạch phổi, nếu có sưng thì cũng sưng sau hạch phổi.

4) Trùng lao phải theo mạch máu mà đi từ ruột đến mọi cơ quan trong người. Nhưng trên kia ta đã nói rằng bệnh lao là một bệnh ít khi có vi-trùng sinh ở trong máu.

5) Phải nhiều vi trùng lắm thì ăn phải mới sinh bệnh được. Đem chuột bạch ra thì thí nghiệm thì phải cho ăn từng hàng vạn, hàng triệu vi-trùng, trái lại, chỉ cho hít phải một hai chục vi trùng, là nó cũng có thể phát bệnh được. Thường nhật, mấy khi ai ăn phải những số vi-trùng khổng-lồ ấy?

Vậy thì đứng về phương diện thiết thực, ta chỉ cần tin rằng bệnh lao lây vì ta hít phải vi-trùng lao thôi.

Vi trùng hít ấy phải sẽ theo hơi, vào đến phổi rồi sinh ra một vết thương. Vết thương ấy có khi rất nhỏ, phải tìm kỹ mới thấy, nó sẽ làm tấy một cái hạch gần đấy, có khi hạch ấy to hơn cả vết thương trong phổi. Vết thương ấy về hạch ấy bao giờ cũng có, dù bệnh-nhân mắc thế nào mà bệnh lao cũng thế. Nó có thể yên như thế; bệnh lao sẽ chỉ tiềm-tàng trong người mà không phát ra được. Nó cũng có thể sưng to ra

được: bệnh lao sẽ phát ra. Trùng lao có thể từ đây theo bạch-tuyết-cầu (leucocytes) mà chạy theo mạch máu trong người mà sinh ra các thể lao khác: lao màng óc, lao xương, lao thận, v. v...

Những điều vừa rồi trên không phải là sơ-thuyết, mà là kết quả của nhiều cuộc khảo-sát tỉ mỉ của một số đông nhà bác học khắp các nước. Hiện nay, hầu hết cả nhà chuyên môn về bệnh lao đều công nhận những điều ấy.

Người ta lấy bệnh lao ở một người ho lao, vi-trùng người ta hít phải là do phổi người có bệnh mà ra và có ở trong đám bọt khác nhau ra. Nhiều người tưởng nhầm rằng đám bọt ấy khô đi, thành ra bụi cát trong buồng bệnh-nhân; khi có gió, cát bụi ấy tung lên, ta hít phải nó rồi hít cả trùng lao có trong ấy. Vẫn-biết rằng có số người lấy đờm người lao, làm thành bụi, và bơm vào buồng chuột bạch, thì có khi giống chuột ấy mắc bệnh lao được. Vẫn biết rằng có khi chuột bạch hít phải bụi cát lấy ở buồng người ho lao thì cũng có khi mắc bệnh được. Nhưng sự thực thì khác thế.

Trước hết, ta nên nhớ rằng giống chuột bạch rất yếu chịu trùng lao, khác hẳn giống vật khác, nhất là giống người ta. Hai nữa, thí nghiệm, người ta dùng từng giọt số vi-trùng rất lớn, ít khi gặp lúc bình thường.

Ngoài những lẽ ấy ra, bình nhật, ở buồng người có bệnh ho lao, ít khi người ta thấy vi-trùng trôi, mà chỉ ở trong tối hẹp của những bệnh-nhân hay nhỏ bầy ra nhà. Muốn thành ra bụi cát nhỏ để ta có thể hít vào phổi được thì đám phải rất sức là khô mới được; bình nhật

BÁ CAO

CÁC FAL-LÝ VÀ ĐỘC-GLA O' FAN BƠ

Khi gửi tiền về cho bản báo cáo gửi theo lời ngỏ p iểu điện tín (Mandat de crédit bique). Vì gửi lời thư, không tới r i

THANH-NGUY

không mấy khi thấy thể, mà nếu dóm đủ thì giờ để thật khô đi thì vì ở trong ấy, cũng đã chết từ lâu rồi, vì phải phơi ra ánh nắng lâu quá.

Vậy ta không nên tin rằng trong bụi cát ta thở phải, có thể có vi trùng lao được.

Vi-trùng ấy chỉ có ở quanh người ho lao. Mỗi lần họ ho, họ bắn ra vô số giọt rãi, không trong thấy, nhưng trong có rất nhiều trùng lao. Lấy 100 người ho mà trong đóm có vi trùng thì 30 hay 40 người mỗi lần ho ra đều có vi trùng cả, cần 40 người thỉnh thoảng ho ra mới có. Lấy một miếng kính để trong nửa ở đồng hồ, cách mồm người ho lao từ

7 đến 80 phần tây thì trong một trăm lần, 20 lần người ta đếm được hơn 400 con trùng, có đến 20.000 con; 80 lần, người ta thấy dưới 400, có khi không có nữa. Người ta nghiệm rằng từ 200 đến 400 con hít phải là đủ làm cho lây bệnh. Những giọt rãi bệnh nhân ho

bắn ra ấy có thể bay trong không khí đến nửa giờ đồng hồ.

Nghĩa là nếu bất thường đến gần một người ho lao trong vòng một thước tây thì ít khi có nguy-hiêm. Nhưng nếu ở chung với họ, thì sớm chầy thể nào cũng hít phải nhiều vi-trùng, nghĩa là lây bệnh. Vì thế nên bệnh lao là bệnh hay lây ở trong gia đình, buồng giấy, buồng thợ, lớp học, trại lính. Vẫn biết rằng tay người có bệnh, đồ dùng của họ như dĩa, đĩa, bát, cũng có thể truyền bệnh được, nhưng đây là trường hợp bất thường. Chỉ có giọt rãi họ bắn ra khi họ ho là nguyên nhân thường làm cho người lây bệnh.

Vậy một điều chắc chắn ta có thể kết luận được là: bệnh lao là bệnh lây, lây bởi những giọt rãi người lao bắn ra khi ho, những giọt ấy có nhiều vi trùng.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐÌNH HÀO

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI TRINH BAY

3 tác phẩm XUÂN D-ÊU

MỘT TẬP TIỂU LUẬN

THANH NIÊN với QUỐC VĂN

MỘT TẬP THƠ

GIÁ 3\$00

GỬI HU'ÔNG

CHO GIỎ

(SÁCH IN BAI MÀU) GIÁ 12\$00

MỘT TẬP VĂN

TRU'ÔNG CA

(SÁCH IN BAI MÀU) GIÁ 5\$00

HÉI-LAI - 214, HANG LOAG - HÀ-NOI

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

KHÔNG PHAI MAU — KHÔNG CẢN

BÁN Ở KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN

mua buôn hỏi

Ô. BỐ VĂN THIỀU

Boite postale N° 11. — 7 Rue Luce, — Vinh

XIN LƯU Ý

Sang đầu tháng giêng, bản giấy đã dọn lại số nhà 7 phố Luce. Vậy từ nay thơ và điện tín, xin các ngài gửi về địa chỉ mới nhé

CÁC CÁCH ĐÃ DÙNG ĐỂ TRỊ-THỦY

ĐỖ XUÂN DƯƠNG

Hai chữ « Trị Thủy » ta vẫn dùng không đúng vì « Thủy » không thể ai « Trị » được. Đã trị tất phải triệt ngay từ gốc. Vậy mà, nếu xét xem cho kỹ, ta thấy rằng các cộng-tác người ta đã làm để « trị thủy » chỉ có tính cách cho đỡ mà thôi.

Mà thật « Thủy » là một thiên-tai. Nếu một ngày kia mà nhân lực có thể giữ được thiên-tai khỏi sủi sịch ra thì ngay ấy loài người đã đủ sức cướp quyền Tạo-Hóa.

Tuy nhiên, vì thói quen và để cho dễ hiểu, trong bài này chúng tôi xin cứ dùng hai chữ « Trị Thủy ».

Mục đích trị thủy là thế nào ?

Mục đích trị thủy là phải làm thế nào cho nước sông không lên quá một mực nhất định để cho khỏi làm ngập ruộng đất (ruộng đất đó phần nhiều thấp hơn mực nước to thường của các sông thiên-tạo) hoặc giữ nước ở nơi trong lòng sông.

Muốn được như vậy, chỉ có những cách sau này mà chúng tôi xin lần lượt kể ra cùng giảng giải phê bình để cho các độc-giả ai cũng, thể kiểm, điểm lại giá-trị của mỗi cách, rồi phát thực ý kiến riêng của mình.

1) Cách thứ nhất cốt làm thế nào, để hoặc lấy bớt được một phần nước mưa, hoặc làm cho nước mưa chảy về đồng bằng chậm lại, cho khối nước chảy vào sông có một giới hạn hay cho sông có đủ thời giờ dẫn nước ra biển. Như vậy nước đã không bị ứ thì không bao giờ nước sông lên thật to.

2) Cách thứ 2 cốt tìm những nơi chứa nước mưa ở ngay thượng du hoặc ở đồng bằng để lấy bớt nước sông và giữ nước ấy lại trong một thời-kỳ. Lúc nào phải giữ lại sẽ định liệu sau. Như vậy khối nước cũng bị chia sẻ như trên, mực nước sông ở những miền dưới, nơi chứa nước cũng không lên to được.

3) Cách thứ 3 là đắp bờ sông lên cao để giữ nước ở một trong lòng sông.

4) Cách thứ 4 là ngo lòng sông, mở rộng lòng và nắn lại dòng sông ngổn, bết đi, lòng đào thêm sông mới để nước chóng tiêu ra biển. Như thế, mực nước sông cũng không thể lên to được.

5) Cách thứ 5 là để nước sủi ra các khe đá tràn khắp trong xứ. Nước tràn ra nhiều nơi thì mực nước ở trong đồng không lên cao được bao nhiêu mà mực nước ở sông lại hạ xuống nhiều.

GIA TRỊ CỦA MỖI PHƯƠNG PHÁP

I. — Phương pháp lấy bớt một phần nước mưa hay làm cho nước mưa chảy về chậm lại

Phương pháp này bắt buộc chúng ta phải làm hai việc:

1. — giồng cây trên các núi dốc để giữ nước mưa ở thượng-du

2. — xây các đập chắn nước ngang sông ở những chỗ nước bắt đầu chảy về đồng bằng.

Giồng cây chủ ý là để cản trở và giữ nước mưa cho khỏi tự-liệu chảy dồn mạnh ngay xuống suối rồi ra sông. Để chảy mạnh như thế tức là sẽ làm sủi lở đất núi và ngang về đồng bằng rất nhiều phù sa. Lại để cho cây cối lại đã mọc cao cảnh là um tùm thì một phần nước mưa đọng lại trên mặt lá gặp nắng trở thành hơi, và một phần nữa bị cây cối hút đi. Số nước mưa vì hai cơ trên, giảm đi được nhiều. Không cần thế, ngày ngày lá cây rụng, phủ dần trên đất thành một lớp đất dày rất xốp có tính cách hút nước. Nước mưa, trước khi chảy ra suối phải

chảy qua lớp đất ấy. Như vậy một phần nữa sẽ bị giữ chậm lại, sức nước chảy cũng yếu đi.

Tuy nhiên phương pháp đắp ở xứ ta không có mấy kết quả vì các rừng núi xứ ta dù chẳng giống, chỉ ít lâu, cây cối cũng mọc um tùm. Chỗ nào cây đã không mọc được thì dù có mưa điều hòa, có giống cũng tốn kém công của mà không ăn thua gì. Không những thế, sức giữ nước của cây cối lại có giới hạn. Nếu mưa luôn trong ít lâu, giới hạn ấy bị vượt quá ngay.

Việc xây đập giữ nước chỉ để chừa nước thừa hay một khối nước nhất định chảy dần vào sông là một công cuộc vĩ đại, tốn kém quá, lại làm ngập mất nhiều khoảng ruộng đất phía trên đập. Sự ích lợi đập lại chỉ có nhất-thời, chẳng được lâu dài vì sức giữ nước của đập ở xứ ta mỗi ngày sẽ bị giảm đi nhiều, bởi một lẽ rất đơn giản là pâu xa bồi vào các khoảng đất đứng để chừa nước rất chóng.

Nhưng trái lại, vì có đập, ta có thể dùng sức nước chảy từ cao xuống để làm chạy các động cơ, hay để cho thông thương được dễ dàng vì mực nước thành sâu hơn.

Hại sự ích lợi đó không nhỏ, nhưng chỉ một tính cách không lâu dài của các đập chắn nước đã là một cơ khốn cho chúng ta không dùng được cách trị thủy thứ nhất này.

II. — Phương pháp làm những nơi để chứa nước nguồn

Theo phương pháp này, nếu các miền dồn nước vào sông ở ngay thượng du mà có thể dùng làm chỗ chứa nước được thì còn hay gì bằng. Nhưng trừ miền dồn nước vào sông Lô ra thì tuyệt nhiên ở các ngọn sông kia đều không có.

Còn ở đồng bằng, muốn tìm chỗ chứa nước, tất phải tìm ở miền giáp giới với thượng du. Nhưng khi lấy bớt nước đi, mới có ảnh hưởng lớn ngay đến mực nước ở các thung lũng phía dưới.

Công việc để làm không tốn kém bằng phương pháp thứ nhất cái phải xây những chỗ cho nước tràn qua là vào đồng lúc mực nước sông lên quá

một mực nhất định, có nguy hiểm cho đồ đạc chỗ khác ở phía dưới. Tuy nhiên theo cách này rất nhiều sự khó khăn. Đã đành là cho nước vào đồng nhưng còn phải nghĩ cách tháo nước chừa ra. Lại còn thêm vào đây những khó khăn về phương diện chính-trị, vì cho nước tràn vào chỗ chứa, tất nhiên phải hi-sinh cả một vùng. Chỉ riêng vùng đó phải khổ sở về lụt lội. Nếu không được đền bồi hẳn hoi, dân ở đó sẽ hết cách cản trở công-việc.

III. — Phương pháp đắp đê

Theo phương pháp này, cứ nước sông lên cao hết sức đến đâu hoặc sông dài đến đâu là đắp bờ sông cao ít nhất cũng cao đến đấy, dài đến đấy. Tức là phép đắp đê để giữ nước khỏi tràn ra ngoài lòng sông.

Phương pháp này rất tự nhiên, có kết quả nhón tiền chẳng khác chi ăn thì no, uống thì khỏi khát. Khi thi hành công việc lại không có một sự gì có thể gọi là thật khó khăn. Không tốn kém hơn những cách trên, nên tự cổ chí kim vẫn được trọng dụng ở xứ ta cũng nhiều xứ khác có tình thế tương tự như ta (nghĩa là đất thấp, dân đông, có ít đường dẫn nước thiên nhiên ra biển v. v. . .) Tuy thế dùng « đê » trị thủy cũng không có tính cách vĩnh viễn hẳn vì một thể để toàn bằng đất nên thường ngày bị mưa to gió nhón cùng các giống vật đục khoét (mối cánh run rẻ, chuột, cây cào) thì nhau làm hại ngầm ngấm. Những sự phá hại ấy, chúng ta lại không thể chiến đấu được hẳn hoi vì một cơ rất tầm thường là chúng ta không rõ để bị đục khoét ở chỗ nào. Không lẽ luôn luôn khai tâm, làm lại tất cả để điều toàn hạt hay sao. Mà nếu chỉ làm lại một khúc thôi, thì làm lại khúc nào? Ta nên nhận ra rằng chỉ một khúc đê sấu, dù rất ngắn, độ một hai thước hoặc bé hơn thế nữa cũng có thể làm đê vỡ được. Không những thế, công việc sửa chữa phải làm xong trước mùa nước lên. Thế mà khốn nhất nỗi chúng ta chỉ có thể biết được rằng đê vì bị đục khoét mà sung yếu ở chỗ nào có một phần thôi mà lại là trong khi nước sông

đá lên to. Bởi vì chỉ lúc ấy mực nước lên cao quá các lỗ đục khét, nước mới tuổu sủi và mới có thể chảy qua thau đổ vào phía đông. Người ngoài cuộc, sau khi một chút để bị vỡ, thường hay bài bác kẻ có trách-nhiệm. Có biết đâu rằng để giữ được luôn hai vụ nước to, không vỡ chỗ nào, không làm lụt một khu nào cũng là giỏi lắm rồi. Tai nạn thì chỉ có một vùng mà số tiền tổng cộng dùng để sửa đê ở khắp Bắc bộ Việt-Nam trong những năm đê không vỡ, chắc chắn là nhiều hơn nư-ớc của cái mất mát ở vùng bị lụt nhiều.

Vả lại phương pháp đắp đê còn một điều bất lợi là không thể đắp đê to qua một giới hạn nhất định được vì những lẽ chuyên môn.

Tuy nhiên phương pháp đắp đê để trữ thủy đã được rất nhiều các nước ở hoàn cầu dùng vì nếu đem so sánh lợi hại thì lợi vẫn hơn hại mà đê đến lúc sung yếu nguy hiểm, vẫn có triệu chứng báo trước. Nếu đủ nghị lực, nhân công, vật liệu để sửa chữa cho thật nhanh chóng, công việc sửa chữa cũng rất dễ làm; nạn vỡ đê có thể ít đi được. (1)

IV. — Phương pháp thứ tư

Theo cách này phải làm 3 việc : mở sông, mở rộng lòng sông, để tăng sức chứa nước ; nắn dòng sông cho sông ngăn bót dẹt ; đào sông mới để tăng dòng tháo nước.

Nếu ba việc này làm đến nơi đến chốn, nhất là đồng thời phải cho cùng thi-hành với nhau tùy theo : bề cao bờ sông, tình cách mỗi con sông, mặt ruộng, ta phải giữ khỏi lụt, thì thế nào cũng có ảnh-hưởng hay đến mực nước sông hay hơn nữa là làm thêm vài công việc phụ nữa.

Nhưng phương pháp này tốn tiền rất nhiều.

(1) Nạn vỡ đê xảy ra năm 1942 ở Phúc Yên hiện giờ cũng chưa rõ nguyên nhân. Đê vỡ rất nhanh chóng: Trước khi vỡ, có thăm lặn đê không? Chắc là có mà không ai biết hoặc dân sở tại biết mà không báo vì lười biếng của thê. Độc giả nên nhận ra rằng năm 1937 nước sông Cầu cũng lên to thế, đê thì chưa được phá trúc, bê văng nửa mà lại không việc gì.

Nếu làm tiền, chỉ làm riêng từng việc một một không kể gì đến ba điều kiện kể trên thì kết quả chắc không được mỹ mãn. Làm cả mấy việc cùng một lúc ấy là dùng phương pháp « Trung dung » để trị thủy vì phải hòa hợp và thi hành cả mấy việc : vừa sửa chữa sông cho nước không tràn ra bờ, mực nước sông không lên to được, vừa đắp cao những chỗ bờ sông thấp lên thành đê để giữ nước khỏi tràn vào đồng. Mực nước sông, vì đã làm những công việc (trên) ấy, không lên cao mấy thành sức nước không mạnh mà đê cũng không phải đắp to nên không mấy khi vỡ được.

Cứ thoáng qua thì phương pháp trung dung này dễ cảm dỗ vì vài lý thiết thực của nó nhưng đến khi xét rõ công việc phải làm, hoặc để giữ bờ sông, hoặc để sửa chữa lại lòng sông, kết quả còn tùy may rủi không đo lường trước được mà số tiền tiêu lại lớn nên không được đặc dụng. Sở dĩ tốn và kết quả không được chắc chắn là vì đất hai ven bờ sông tính chất không bao giờ giống nhau; chỗ mềm chỗ rắn, chỗ loàn đất sét chỗ toàn cát hay nửa nọ nửa kia nên khi bị nước sôi vào có chỗ lở, chỗ bồi rất thất thường chỉ một ít lần là sông lại cong queo như cũ ngay. Chỗ bồi phải cuộc nạo lòng sông cho sâu, nước mới chóng thoát. Chỗ lở phải sửa chữa rồi lấy vật liệu rắn, như đá bêtông, để giữ cho khỏi lở thêm, hoặc giữ bờ sông theo một đường cong như ý muốn của mình, để sai khiến ngou nước không cho chảy sôi vào bờ ở bên kia sông phía trước. Công việc phải làm từng maoi cây số một mới có thể nắn lại một khúc sông mà rồi thước trường bờ sông phải dùng ít nhất là 15 hay 20 thước đá bêtông mới có hiệu quả. Không những thế nhiều chỗ lại phải cho đào cả một khúc dài sông mới. Thành thử toàn những công việc đắt tiền không lặn dài vì phải sửa chữa luôn luôn. Kết quả lại chưa chắc, cho nên nhiều người cũng không bêu đồng tình dùng cách này.

Nói đến phương pháp này chúng tôi không thể không nghĩ đến việc làm rất công phu của

Ông Nguyễn Cảnh đeo đôi giày mười lăm giờ. Ông xem rất nhiều sách làm đồ ở khắp các nước trên bán cầu viết về nền trị thủy. Năm 1927, ông làm sách viết bằng pháp-văn rất dài. Ông đạt nhiều thuyết thặng, tóm tắt lại, ông bảo chỉ có thuyết độc nhất «nân sông, mở rộng lòng sông» mới có thể hạ được mực nước sông xuống. Ông xin mang ra thi hành ở Hồng Hà. Ông tỉ sông này như một con sông đào có một sức nước chảy nhất, định rồi ông tỉa tỉn đào sông mới thay những đoạn sông thiên-tạo khúc khúc này với Việt Trì ra bề tình ra chỉ có ba đường cong mà thôi. Sông ngắn đi, dòng nước dốc thêm sức nước chảy vừa tăng vừa chóng thoát. Mục đích của ông là làm phụ vạy mực nước sẽ hạ xuống nhiều.

Thuyết của ông rất đáng trong giấy tờ, nhiều khi lại quá sự thực, nhưng ông, quên không nói rằng khi mang ra thi hành sẽ gặp rất nhiều sự khó khăn về chuyên môn, lý tập, chính-trị.

Nhiều chỗ ông tính toán quá sơ sài. Ông quả quyết rằng làm theo lời ông nói, mực nước ở Hà-nội không bao giờ lên quá 9 mét và ở Nam-Định không bao giờ lên quá 2m 70 nghĩa là nếu đem so sánh với mực nước to nhất (1940) mực nước ở Hà-nội bớt đi được 3 mét 30 mà ở Nam-Định bớt đi 4 mét 68. Kết quả thì tốt đẹp mà ông giải bày không chỉ lý. Mãi sau, xem báo Tin-Mới vào trung tuần tháng bảy 1943 mới biết ông chỉ làm có một cái tính toán con số lấy khúc sông ông trừ tính rút ngắn đi nhân với bề dốc mặt nước để tìm những con số trên này. Thật là quá dẫn đi.

Trong sách ông còn có thuyết chỗ nào sông rộng, ông lại trừ tính làm hẹp đi để sức nước chảy mạnh thêm mà ngăn ngừa phù-xa không đọng lại được, hoặc đề nghị lòng sông cho thêm sâu. Theo ý ông, làm như vậy, tàu bè có thể cập bến Hà Nội.

Đến được kết quả ấy thật quá sức tưởng tượng. Chỉ là để người ta vin thêm vào để lấy cớ ra coi thường lý-thuyết của ông. Các độc-giả cũng phải xem. Nếu bây giờ sông Kinh Thầy có đã ra tới Hải Phòng ông có chừng nửa phẩy nước

nước Hồng Hà mà phù-xa ở nước con sông này còn làm khôn khổ cho sở Hàng Hải. Hàng năm phải cho tàu cuốc đào hàng chục cây số sông bị cạn, tốn kém rất nhiều, tàu bè mới có thể cập bến được. Hướng Bắc ở ngay Hồng Hà, từ Hà Nội đến bề, sông chảy dài chừng 150 cây số, mà chất phù-xa lại gấp 50 phần hơn thì làm thế nào mà thoát cả ra bề không đọng lại ở những khúc sông trên được. Dĩ chi, phù-xa có thoát ra đến bề được thì khi gặp sông bề có lúc làm mất sức chảy của nước sông đi, sinh ra những vũng nước chết, chất phù-xa sẽ bị lắng xuống rồi tích tụ thành những đập chắn ngang ở ngay cửa sông. Không những thế, trong mùa nước cạn, khối nước sông Hồng Hà chỉ có 350 thước đứng (chứ không phải 700 thước) cũng không đủ nước mà giữ cho lòng sông sâu để cho tàu bè có thể lên đến Hà Nội được.

Sở Hàng Hải ở Hải Phòng, nhân thấy nước sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam có rất ít phù-xa, nên tìm cách chia rẽ hai ngạn nước ở gần Phả Lại và hiện thời đã bắt đầu cho sẽ một con sông tắt, để một đảng chỉ cho nước chúng của ta con sông trên này chảy thẳng vào sông Kinh Thầy, một đảng ngăn nước đục sông Đuống hay sông Hồng Hà không cho chảy vào đây nữa thành thử nước chảy về qua bến Hải Phòng, rồi cả cửa Nam Triệu, toàn là nước trong thì lòng lạch, chỗ tàu đi lại không mấy khi bị bồi nông đi nữa.

Ông Cảnh trình bày thuyết của mình chỉ dựa vào sách không chịu giảng giải kỹ càng, bằng toán học dựa vào những sự xảy ngay trong xứ mình làm chứng cứ, lại cũng không thí nghiệm vào kiểu mẫu thu-hình. Ông lại có cái khở nói rằng năm 1913 ông đã tự xét tình hình nước ở sông Đáy rồi lấy đây làm bằng. Sông này khác Hồng Hà như 1 với 10. Ông lại lấy sông Mississippi bên Mỹ làm thí dụ, không biết rằng khúc sông của các sông này được nân sau khi nân lại, ngắn đi được 1/3 vị thế sức nước chảy mới tăng lên nhiều. Mà chỉ đào có mỗi cái lạch đã phải làm mất 60 triệu thước đất. Phải có tiền của họ-chúng mới thi hành nổi.

(Lớn nữa)

NHẬT XUẤT

(KỊCH BỐN MÀN)

Nguyên văn của TÀO - NGU

ĐANG THAI MAI dịch

(Tiếp theo)

Thanh — Thưa với cô : Lai vợ chồng tôi. (cười) ngày nay cũng chẳng khác cặp tình nhân cô ạ. Nhà tôi cứ một giờ đồng hồ mà không được gặp tôi một lần để tự tình là khổ chịu lắm kia.

Lộ — Thiết hồ? Nếu vậy thì xin đề hai ông bà ngồi đây nói chuyện vậy. Tôi không ngồi đây làm phiền

(Lộ đi vào phòng bên trái)

Thanh — (khom lưng nhìn Lộ đi vào nhìn bốn bên phòng rồi hỏi vợ có vẻ quan tâm) Đánh thế nào? Thua hay được?

Bà Phan Thanh — Thôi anh ạ, anh cho tôi về đi.

Thanh — Thế nào, thua à?

Bà Phan. — (cúi đầu) Vâng.

Thanh — (có vẻ cương) Thế nào? 150\$ tôi đưa cho vợ hết cả rồi ư?

Bà Phan. — (nói rất khẽ) Chưa thua hết... nhưng cũng chẳng còn là bao nhiêu nữa

Thanh — Nhưng làm sao mà thua được chóng thế.

Bà Phan — Tôi thấy trong lòng cứ cuống quýt hẳn lên, thế là tôi lo. thua, tôi càng lo sợ càng đánh lâu.

Thanh — Cứng cái gì mà cuống. Người ta đánh thì mình cũng đánh việc gì mà sợ. Vợ thật quê mùa quá đi mất. Xưa nay chưa hề thấy mặt một người lạ nào hẳn.

Bà Phan — (ưa nước mắt) Tôi đã bảo tôi không đi đánh bạc, cậu nhất định bắt tôi đi cho được. Tôi không muốn tới đây cậu dở ngon dở ngọt, tôi tức. Thì tôi phải nghe cậu,

phải cầm bài đánh vậy, bọn nhiều tiền như chúng nó.... thế rồi bây giờ thua câu lại. (Khóc sụt sùi).

Thanh — Khóc! khóc! khóc! Mợ chỉ biết khóc sao chả biết gì số! Đây là chỗ mợ khóc đấy à? Khóc quá đi mất! Đừng khóc nữa nào..

Thôi, tôi đang còn tiền đây, không cần

Bà Phan. — Tôi chả lấy tiền nữa đâu ạ!

Thanh. — Thì mợ muốn làm gì bây giờ?

Bà Phan — Tôi về đây.

Thanh — Cứ nói nhảm! Tôi còn tiền đây (lấy ví da, vò vè vơ) Đây tôi đang còn 100\$, mợ nhìn đây, mợ cầm lấy 80\$ đã phở.

Bà Phan. — Cậu làm gì mà có tiền đây?

Thanh. — Việc đó mặc đời

Bà Phan. — Thế cái áo par-dessus da của cậu đâu rồi?

Thanh. — Ở nhà ấy, không mang tới đây

Bà Phan — (nhìn thấy ở dưới Thanh có một mảnh giấy) Giấy gì kia?

Thanh. — Giấy... (bà Phan đặt lấy cái ví)

Bà Phan. — (nhìn mảnh giấy, nói rất khẽ) (chồng) Thế là cậu lại cầm một cái tiền ư?

Thanh. — Khế mồm chứ.

Bà Phan. — Cậu, sao mà cậu khổ đến thế?

Thanh. — Tôi đã bảo mà : mợ không cần biết.

Bà Phan. — Nay cậu, thiết hồ không tài nào chịu đựng được nữa. Cậu đem tôi về nhà thôi cậu ạ. Chỗ này không phải là chỗ bọn mình đến chơi được đâu. Không có một mặt vào là một tử tế, không có một câu nói nào là câu nói tử tế, cậu ạ!

Thanh — À! bảo mợ là ở đây không có người đả tặc? Cậu chả mợ không tử tế à? Người ta lập

trường học này, lập nhà chôn chôn này, mở nhà
máy này, . . . những công việc đó người không
tổ tổ mà làm được à ?

Bà Phan — Nhưng cậu không thấy ông ấy
đưa với cỗ Lộ đồ thôi. . . .

Thanh — Sao lại không thấy ? Nhưng ông ấy yêu cô ấy kia mà ! Ông ấy có tiền thì ông ấy tiêu chứ ? Sao lại không tử tế ?

Bà Phan.— Thì thôi vậy. đó là việc người ta. Nhưng bản cậu cũng biết tình cảnh nhà ta chứ ? Lương bổng ít ỏi như vậy thì thiết không nên đến đây hầu cô Lữ làm gì, cậu à ! Đến mà hầu người ta chơi bời à

Thanh.— Đã mấy lần tôi nói cho mẹ nghe rồi : những câu chuyện đó, đầu mẹ có muốn nói thì cũng chờ lúc về nhà đã, hãy nói ! Đừng nói ở đây, nghe không ? Nói ra người ta nghe người ta cười cho !

Bà Phán.— Thiệt đấy, cậu ạ ! Tôi cũng thấy rằng cả bọn nhà họ ai ai cũng chế nhạo bọn mình hết ấy !

Tharsh.—(Dận dũ) Ai dám cười chúng mình? Chúng mình cũng có tiền như họ, cũng đánh bài đánh bạc như họ. Ai nữa cần thì mình cũng tám ang kém gì nhau nào?

Bà Phán — Nhưng hơn kém mà làm gì? Nhà mình một đoàn con : thằng Anh còn đi học, con Phương sắp đến tuổi gả chồng rồi, con Năm thì đang đàn. Mẹ ở nhà không có một cái áo mặc lót. Việc nên tiêu thì cậu không chịu tiêu cho, cậu bắt tôi đem tiền đi thuê người ta đánh bạc, hết trăm đồng này đến tám chục đồng khác! . . . Cậu bảo tôi ngồi đánh mà cảm tâm hay sao?

Thanh.— Thôi, mợ đừng nói nữa, đừng nói câu chuyện ấy nữa nữa !

Bà Phán.— Cậu tính một thầy kỹ ngân hàng, lắm lụng suốt ngày một như cả người đi. Hết tháng lĩnh được mấy đồng lương, ăn tiêu trong nhà cũng chạp vặt lắm mới mong ~~đủ~~ đủ. Thế mà còn mang tiền đến hầu anh bạc ở nhà quan trên nữa kia ! Con không tiền đi học, cũng phải tha-tiếp đã ; cuối tháng, không có tiền trả tiền nhà, cũng tha-tiếp đã ! Con đâu, không có tiền ~~hỏi thầy~~ thầy học, ~~thầy~~ thầy cũng nhất định tha-tiếp đã !..

Thanh. --Thôi mà ! Đã bảo mọi đừng rọi nữa, bảo mọi đừng nói nữa mà ! Quanh năm chỉ tới rống tới bực hội, cay đắng đến chừng nào, bản mình cũng biết chứ ? Mình không thấy rằng : tôi cũng cảm thấy rằng tôi là một người nghèo khổ hay sao ? Tôi tức, tôi tức vì làm sao mà mình lại không có một ông bố cho giàu có, vì làm sao tôi không dễ lên trên đồng tiền, để cho tôi có phải l uốn cúi, phải tức tối ! Mà nào có phải tôi tôi là một thằng hư hốt gì, thì cũng cảm tình ! Tất cả lũ chúng nó đây, rỏ thẳng não tử tế như tôi, có thẳng nào là thông minh, là can đảm, là có lòng tốt đâu ! Chúng nó chỉ hơn tôi một chỗ là chúng nó sinh ra có tiền tài, có địa vị mà tôi đây thì sinh ra không tiền tài, không địa vị gì mà thôi. Mọi a : cái xã hội này không có một tí gì là công lý, một tí gì là bình đẳng hết. Bao nhiêu những danh từ như là đạo đức, cần lao, chẳng qua là những chữ chúng nó dùng để lừa người đời mà thôi ! Mình e ngại làm việc làm cho đến già thì cũng đến chết đói là cùng. Bây giờ chỉ có một cách là « đánh tan hết bao nhiêu nỗi niêu, chóc thúng hết bao nhiêu thuyên » của mình đi, liều mạng vật cùng chúng nó một phen thì hóa ra một ngày kia còn có thể lật mình gở lại chăng.

Bà phán — Nhưng cậu chỉ lo liều mạng «đi vật» như vậy, mà cậu không nghĩ đến con cái ở nhà, rồi một ngày kia chúng nó sẽ ra sao?

Thanh:— (Thở dài). Con cái! Ừ, nhưng
mợ nghĩ xem, nếu tôi không thương con thì
làm gì tôi lại chịu cái nước mặt dày mày dạn
đắt cả mợ nữa, chui vào chốn này? Cái con
Bạch-Lộ này là thứ gì? Gái thấy cũng không
phải gái nhả, dĩ bợm không phải dĩ bợm, bà
chủ cũng không phải bà chủ, nó chỉ là một đồ
tồi! Ấy thế nhưng cái thằng già này, mê nó
thằng già này có tiền, thế là tôi phải một thừa
cô, hai trăm cô, thế là nó nói gì tôi cũng phải
vâng làm vậy. Nhưng mợ chỉ thấy tôi thờ
chúng nó như thờ tổ-tiên, mà mợ không thấy
rằng có những lúc tôi đã chán ngất với tôi.

Tôi không kể gì đến thể-diện, tôi không kể gì đến danh giá, để mà đi thù p... chúng nó. Hơn bốn chục tuổi đầu rồi, tôi vẫn cứ ngày ngày khăm nồm da hầu hạ cái tui ăn mày này. Đĩ chỉ cái cái thàng Tư-Hồ này, nó là một đờ tôi hết sức mà tôi vẫn cứ phải bỏ dờ nó, giao du cùng nó! Mợ nghĩ xem, tôi là ông Lý Thạch Thanh, tôi là một bậc nam tử đường đường, thế mà tôi... (cắt đầu, ghen hằn lời)

Bà phán — Cậu ạ, cậu đừng bực bực, đừng ngã lòng làm gì. Tôi hiền cậu lắm: cậu đi làm lụng vất vả nhiều.

Thanh — Không đâu, tôi quyết không bao giờ ngã lòng (ngặc hằn đầu lên, vẻ giận dữ) ừ, tôi sẽ đứng dậy, tôi sẽ lật mình giở lại. Tôi sẽ rắn rỏi như hòn đá cuội, tôi sẽ không nghĩ đến một tí tình ngại gì hết. Từ nay về sau tôi sẽ không thương xót một thằng nào, không cảm tình với ai hết. Tôi sẽ hết sức ích kỷ: tôi phải trả thù mới được.

Bà phán — Trả thù? Ai hạm hại cậu, ai khinh miệt cậu? Cậu tức ai?

Thanh — Tất cả mọi người đều hạm hại tôi, khinh miệt tôi, tôi tức tất cả mọi người. Tôi đến đây hai mươi năm, làm việc đến bao giờ, chịu biết bao nhiêu điều tủi nhục. Rồi đây thế nào tôi cũng đứng dậy, thế nào tôi cũng phải tở ra một hơi cho hả dạ. Rồi mợ xem, tôi sẽ đứng dậy cho mà xem.

(Nguyệt đình mở cửa, giữa đi vào)

Nguyệt đình — Kia! Ông Phán đã lại đấy à?

Thanh — (Kính cẩn) Bầm Cọ, cháu lại từ hồi nãy xia đấy ạ. Thấy nói cụ đang nói chuyện cùng các ông dân nhà báo, cháu không dám cho người lại trình cụ đây thôi ạ.

Nguyệt đình — Bà Phán bây giờ có việc gì không?

Thanh — Không mà! Không bận gì đâu ạ. (Bảo vợ) Minh vào cầm bài đi.

(Bà Phán đi vào phía cửa sổ trái).

Thanh. — Đấng nhà báo có tin tức gì quan trọng không ạ?

Nguyệt Đình. — Ông không cần hỏi việc ấy. Tôi bảo ông đi mua phiếu quốc trái, ông đã mua chưa?

Thanh. — Bầm cụ, mua rồi đấy ạ. Tất cả là đi hai trăm vạn.

Nguyệt Đình. — Thế là thành ra bao nhiêu nhỉ?

Thanh. — Thành ra 775 day ạ.

Nguyệt Đình. — Sau lúc mình mua xong, ông thấy tình hình thế nào?

Thanh. — Cháu lo rằng cơ cực nguy đấy ạ. Ngoài phố người ta đồn ầm ầm rằng: tình hình thương trường hết sức khủng hoảng, giá hạ tợn lắm. Ai có phiếu công thái là vứt ra bán hết, thế mà cụ lại đi...

Nguyệt Đình. — Thế mà tôi lại đi mua cao chứ gì?

Thanh. — Vâng. Chao là cụ đoán rằng nổi cao.

Nguyệt Đình — Thì đã hằn, nếu tôi đoán là nó sẽ hạ thì đời nào tôi lại đi mua cao?

Thanh. — (dần dần) Cháu muốn thưa với cụ thế này; giả như tình hình thị trường mà chả có việc gì ấy, thì mình mua trữ chả có gì là nguy hiểm cho lắm. Nếu không có cách gì thì mình cứ mua vào hết là được. Nhưng ngày nay, tình thế khác hẳn. Cháu thấy giá công thái cứ hạ mãi. Không khéo lỗ mất. Mà tình hình này mình có làm chỗ được không?

Nguyệt Đình. — (Cầm điều thuốc) Làm sao mà ông lại tin vào tin tức đồn ngoài phố?

Thanh. — (Cười nhếch) Vâng, vâng ạ. Chắc cụ muốn nói đến « không khí kinh tế ». Cụ nghĩ rằng tui đầu cơ muốn gây nên « không khí » hằn?

Nguyệt Đình. — « Không khí »... ừ. Không khí... (cười nhếch) Tôi ở trong nghề này, tôi biết...

quốc trái bìa nhiều nạn thì tôi cũng phải biết tin nào là tin đích xác chứ!

Thanh.— Nhưng cháu thấy cụ Bát Kim xua nay cũng thích lắm-kia, thế mà lần này cụ ấy không mua đồng nào. Và...

Nguyệt Đình.— Này, ông Phan này: người ta ai biết việc này thì hơn. Việc gì tôi bảo ông làm đăng ngân hàng thì ông từ làm, việc tôi không bảo làm thì ông đừng nói ra nói vào dè sự làm gì. Một nhà buôn phải có kỷ luật.

Thanh.— Vâng ạ. Cháu biết thế. Chẳng qua cháu muốn nhắc đề cụ nhớ lại đấy thôi ạ.

Nguyệt Đình.— Việc nhà ngân hàng không phải là những việc đưa ra ngoài mà nói ra nói vào. Mà tôi cũng không đợi đến ông nhắc tôi tôi mới nhớ.

Thanh.— Vâng.

Nguyệt Đình.— Bảo ông đi tới đăng cụ Bát Kim ông đã đi chưa?

Thanh.— Đi rồi đấy ạ. Cháu đã thưa với cụ câu chuyện làm tòa nhà lớn Đại Phong. Cụ Bát hỏi cháu: ngân hàng làm gì có tiền mà làm hồi này? Cụ lại bảo rằng tình hình kinh tế có vẻ nguy ngập, giá đất sụt nhiều và tòa nhà ấy nếu như mới bắt đầu xây thì nên đình lại đã là hơn.

Nguyệt Đình.— Thế ông không thưa với cụ Bát rằng: hợp đồng đã ký rồi, và số tiền đã giao rồi à?

Thanh.— Cháu đã thưa rồi đấy ạ. Cháu nói rằng: một công ti ngoại-quốc đứng đầu và số tiền không thể rút ra nữa. Cho nên tiền «dépôt» của cụ Bát hiện giờ chưa có thể nộp lãi ngay, vậy xin cụ hoãn cho vài hôm vậy.

Nguyệt Đình.— Cụ ấy bảo thế nào?

Thanh.— Cụ ấy ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo «Cái ấy tôi phải xét lại đã». Cháu thấy nét mặt cụ ta lúc ấy có vẻ khàng khác thế nào ấy.

Nguyệt Đình.— Đồ tru-mạn! Mỉm với nó

chỗ thân tình đối phó mà nó không nghĩ đến thì thiệt!

Thanh.— (Nhìn trộm) Mà cụ ấy còn hỏi rằng: bao nhiêu bất động sản của nhà băng có phải là đã cầm hết rồi không.

Nguyệt đình.— Sao mà lão ấy lại hỏi ông những chuyện ấy?

Thanh.— Cháu cũng thấy làm kỳ quái. Nhưng cháu không nói gì.

Nguyệt đình.— Ông già nhởi thế nào kia?

Thanh.— Cháu bảo rằng: nhà và đất ngân hàng chưa hề cầm. (Lại liếc trộm mặt Nguyệt đình) mặc dầu cháu biết rằng: sản nghiệp nhà ngân hàng thì đã cầm cả rồi.

Nguyệt đình.— (Thất sắc) Ông... Ai bảo ông là cầm hết cả rồi?

Thanh.— (Ngước đầu lên) Chẳng là cháu biết rằng: mấy tháng trước đây cụ đã đưa cầm nốt dãy nhà từ con đường Truong Hưng đến đường Hoàng nhân....

Nguyệt đình.— Nói nhảm! Ai bảo ông đấy?

Thanh.— Thưa cụ, cụ đã cầm cho công ty Hữu hoa rồi đấy chứ!

Nguyệt đình.— (Đứng dậy đi rảo hai bước, rồi lại dừng lại) Ông nhặt được tin ấy ở đâu kia? (Ngồi xuống) Sao lại có người biết câu chuyện ấy nhỉ.

Thanh.— (Biết rằng Nguyệt đình sợ) Thưa cụ, cụ đừng lo câu chuyện này trừ cháu ra chẳng ai biết đâu ạ. Số là cháu đã được đọc tờ hiệp đồng ký độ trước.

Nguyệt đình.— Ông đọc ở đâu kia?

Thanh.— Trong cặp của cụ ấy mà.

Nguyệt.— Sao ông lại...

(Còn nữa)

ĐẶNG THÁI MẠI dịch

MỘT TÀM HỒN N'CHÊ SĨ

NGUYỄN VĂN CÚ (SOMERSET I. TUGAN)

LÊ BÌNH CHÂN dịch

(Tiếp theo)

Câu nói làm cho Strickland chồm dậy, hai người bèn đưa nhau đến nhà « Một-miền-bánh ». Ở đây, những kẻ nghèo được người ta thí cho một miếng bánh, nhưng phải đứng đấy mà ăn, không được đem đi đâu. Ăn xong họ lại đưa nhau đến nhà « một thìa xúp ». Ở đây từ 11 giờ cho đến 4 giờ người ta phát cho anh một bát xúp loãng thoáng có mùi thịt và rất mặn. Hai nhà bố thí này cách nhau rất xa. Chỉ có những anh nào đói lắm mới có cam đảm đi. — Đó là bữa cơm sáng mà Nichols xoay chỗ Strickland hôm ấy.

Bốn tháng ba-dao như thế làm cho hai người thành đôi bạn thiết.

Đồng qua, Dạ Lễ Viện đồng cửa.

Nichols và Strickland đến ăn nhờ Tòan Bill. Bill là chủ một hàng cơm cho thủy thủ, một hàng cha lại tẩy đen, to, nhờn, cánh tay như hồ pháp, chỉ chuyên « nuôi » những anh thủy thủ nào gần chết đói đang tìm việc làm. Bill nuôi thủy thủ của mình hàng tháng. — Trong nhà hàng bao giờ cũng có độ mười mười hai thằng ăn cướp giỡn, vừa Thụy-diễn vừa Ba tẩy đen, trắng, nâu, đủ các nước, đủ các mùi. Hắn cho bọn này ăn, ngủ chờ khi nào tìm được việc làm thì lấy công trước mà giả hân.

Ngày nào Bill cũng đưa « con chiên » của mình ra phố. Victor Gelu, nơi mà các thuyền trưởng đến mộ thủy thủ. Bill có một người vợ Mỹ béo và bầu-bĩnh. Một cặp vợ chồng tốt đối. Có giới, mới biết được những bước gian nan chúng đã qua trước khi trôi giạt đến đây làm cái nghề ghê tởm này ! Ngày nào cũng vậy, một thủy thủ cắt lượt nhau mà dọn dẹp bếp nước.

Strickland thì được miễn vì hắn nhận vẽ chân dung Bill. Không những Bill mua vải, thuốc, nhưng hắn lại còn cho Strickland 1/2 cân thuốc la-lau bức tranh này có nhẹ còn trang hoàng căn nhà bàn thờ của hắn. Tội giá bấy giờ bức chân dung của Bill không được mười vạn đồng. Strickland muốn sang Úc-châu, và một khi ở đây tìm dịp sang quần đảo Tahiti hay Marquises. Tại sao hắn lại muốn thăm những Cù lao đó ? Xưa nay, tôi vẫn nhớ, hắn vẫn khao khát một cù-lao xanh rì dưới ánh sáng chong của của mặt trời Thái-Bình-dương; một cù-lao giữa một làn nước xanh tươi hơn là mùi xanh của biển miền Âu-châu. Có nhẽ Strickland chơi với Nichols cũng chỉ vì Nichols đã qua Tahiti. Và chính Nichols đã khuyên Strickland nên đến Tahiti.

— Anh xem, Tahiti là của người Pháp. Và người Pháp không khó chịu như người Anh chúng mình. Tôi hiểu tại sao Nichols nói thế. Vì Strickland không có giấy má gì cả. Nhưng chuyện giấy má đối với Bill thì chỉ là một trò trẻ con.

Bill sẽ lấy tháng công đều, và tiền hắn tìm được việc làm cho Strickland thì hắn sẽ không ngần ngại giao cho Strickland giấy má của một người thủy thủ Anh nào đã qua, dời ở nhà hắn ! Nichols và Strickland chỉ mong tưởng đến Đông Phương, nhưng phần nhiều chỉ những lần sang Mỹ, mới cần thủy thủ. Đã hai lần Strickland không chịu sang Mỹ và một lần đã từ chối một chỗ làm trên một tàu thương mại New-Castle. Bill lấy làm khó chịu vì tình huống, bình đó đã làm cho hắn phải thiệt thòi.

Sáu kết hôn xong rồi cả Strickland lẫn Nichols ra đường. Hai người lại ba-dao một lần nữa.

Tuỳ những bữa cơm bữa Bill cũng chẳng lấy gì làm thịnh soạn cho lắm (vì lúc đứng dậy bụng vẫn lép kẹp như khi mới vào ngồi) nhưng trong vài hôm đầu, hai người cũng thấy tiêng tiếu những bữa cơm soàng-đỗ. Strickland và Nichols bấy giờ mới làm quen với đời. Nhà « một thìa súp » thì đóng cửa, cả Đa-Lữ-Viên cũng thế.

Thành ra chỉ còn mong mỏi ở « mẫu-bánh » ngày ngày người ta thí cho.

Tối đến gần đến ngủ đây ! Trọy toa lại rỗng, một chiếc xe bỏ không, những lệm rết lợm, và một giấc ngủ rụn bần bật và ngắn ngủi hai người lại dật nhau đi lang bang. Rồi nhất là khi thức lác Nichols nghiệm hặng không, sa-o-chứ nổi. Hắn lảng vảng ở con đường Ganneville, để tìm những mẩu thuốc thừa người ta vứt đi. *Chà ! Cái دنیا của tôi đã quen với đủ các thức thuốc !* Hắn nhún vai như tôi..... Tay thì vơ lấy hai điếu cigare trong hộp thuốc tôi đưa mời hấp. (Phải, hai điếu. Một điếu ngậm mồm còn một điếu thì bỏ vào túi).

Lắm hôm cũng may, khi có chiếc tàu nào đến thì Nichols ra tận tỉnh với viên coi hàng ở bến.

Người ta cho Strickland và Nichols vào khuôn hàng. Trên những tàu Anh, hai người lần lút vào chỗ thủy thủ nằm, và những hôm ló được một bữa cơm thừa thật là sang trọng, đủ đầy dạ dày trong hai hôm ! Nhưng liệu, kìa ! Nhờ gặp một viên sĩ quan nào thì chắc chắn là bị một cái đá điếu đến thân !

— Cần quái gì một cái đá vào đấy..... Kìa bụng đã đầy... Nichols nhún vai nói.

Tôi thì cho là thương và lại sĩ quan họ phải trông nom cho có trật tự ! Vì ông thế trách họ được. Tôi tưởng tưởng Nichols say sưa hết cả những câu thang (theo sau là một viên sĩ quan đang quắc mắt nguyên rết). Nhưng trong bụng, như một người Anh thực thụ, kẹp chặt lưỡi của tàu buôn nước mình.

Bà hàng cá cũng lắm khi cô dịp may và bắt ngư hầu nôm hai người bệ cam xấp lên xe hơi cũng kiếm được vài quan. Một hôm, cô dịp may lại viên chủ nhà vẫn cho hai người ngủ nhờ

phần sơn lại một chiếc tàu buôn ở Phi Châu mới về. Ông ta liền thuê ngay cả Strickland lẫn Nichols suốt một tuần lễ lơ lửng trên một tấm ván bắc làm sàn, Strickland ngồi sơn mạn tàu, Thực là một trường hợp làm cho Strickland phải buồn cười về thân thế mình ! Tôi tự hỏi sao hắn lại chịu đựng được nhiều nỗi gian truân như thế.

— Lắm khi hắn cũng cầu nhàu. Nhưng thường hắn vui vẻ như một con chim sơn-ca dù là từ sáng chưa có gì vào ruộng và chiều nay không chắc có xoay được tiền mà thuê chỗ ngủ.... ở nhà thằng Chink.

Tôi không lấy gì làm lạ. Tôi biết Strickland hơn người ở chỗ đó : Hắn chịu đựng được những cảnh làm nản lòng người khác. Nhưng có phải vì tính hắn thần nhiệt hay là hắn cố làm ra khác người ?

Chink là tên một thằng Tàu có một cửa hiệu bán cơm và chỗ ngủ cho dấp ba đào ở.

Có 6 xu thì ngủ lên đêm rơm, 3 xu thì ngủ xuống sào. Đó là nơi hội họp và trú ngụ của cặn bã thành Marseille. Khi nào đêm rét quá không sao ngủ ngoài không khí được thì thằng vô nghệ nghiệp phải đi vay anh em lấy 3 xu mà mua chỗ nằm. Bọn vô loại này không biết ăn cắp lẫn của nhau. Thằng nào may kiếm được tiền thì sẵn lòng cứu mạng anh em lắm. Tuy khác nước nhau nhưng chúng thương nhau, hiền nhau, vì chúng cảm thấy điều là dân của một nước không biên giới : Đó là nước « Ba-Đào » ở T -

— Nhưng khi nào bắt buộc chịu thì đừng nên chầu vào, Nichols nói : Một hôm Bill muốn lấy lại giấy má lần đã trao cho Strickland.

— Mày lại đây mà lấy ! Strickland nói,

Bill không phải là một tay non, nhưng sợ mặt của Strickland làm cho hắn phải ngần ngại.

Bill chỉ đứng im và cúi. Mà khi nào thằng Bill nó cúi thì không phải là một chuyện đùa. Có bao nhiêu câu đều già sỗ-xiên, nó cho ra hết. Nó đứng im chờ cho Bill cúi cho chán. Lúc bấy giờ Strickland mới lảng lảng đứng dậy và ra đến tận sát mặt Bill quát to ; Im cái mồm. Đỡ

khốn nạn! Cái động nói của Strickland thật là khinh bỉ! Thắng Bill tái mặt, cảm ngay mồm và lùi thủ đi ngay.

Nhưng Tough Bill không phải là một thằng chịu như thế. Còn cái quần làm sao nỗi bọn thủy thủ của mình nếu đề cao Strickland như vậy! Nhiều lần Nichols được bạn ngầm nhỏ biết là Bill mua « giết » Strickland

Một buổi tối Nichols và Strickland đang uống trong một tiệm rượu ở phố.

Phố Bouterie là một ngõ hẻm, hai bên đường toàn là những gian nhà rất nhỏ, nhà nào cũng chỉ có một buồng.

Trông thực chẳng khác những gian phố bầy nhầy trong một cuộc đấu xảo. Trước cửa nhà nào cũng có một người đàn bà đứng chờ. Với một dụng cụ nhẹ và khô khan, ả nào cũng đang hát một bài lẳng để gọi khách qua đường. Lắm ả lại làm ra đang đứng xem sách. Thôi thì đủ hạng người: Tây, Tàu, Anh, Ý, Y Pha Nho, Nhật-Bản, da đen. Một cuộc hội họp quốc tế. Dưới lam phần bụi dưới những bộ môi đỏ chót cũng là những cặp lông mày chì đen, ả nào cũng không sao dấu nổi được cái vẻ cho chẹn của hàng, giang hồ bán chẹn nuôi miệng. Cách ăn bận của họ mới thật là lố-lãng! A này, mặc áo lót mình đen và đi bít tất trắng; ả kia đeo khăn vương dề thò ra những bộ tóc râu ngô, lăm ả tại ăn vận ngậy thơ như thiếu nữ: Họ mặc áo « voan » trắng.

Qua cửa người ta thoáng trông thấy một cái giường gỗ to, có chân đỏ và cạnh là một cái bàn sơn trắng trên có một cái « bô » và một cái chậu rửa sơn trắng.

Một đêm đông người dữ các mùi lợn ngoài phố Thủy thủ Ấn-độ của một chiếc tàu nào của hãng P & O, đen như ban đêm, khua tay với những hệ pháp hung hung người Thụy-Điển.... Ban ngày thì thực là một cảnh xấu xa ghê tởm nhưng đêm đến dưới ánh sáng lấp lánh của những ngọn đèn xanh đỏ thì phố Bouterie thật là đẹp, một vẻ đẹp đáng sợ. Cái mùi nặng-nặng của nhục dục làm cho không khí là lơi nồng

bức. Tay tóm phải nồm, nhưng thật là một cảnh bí mật gọi tên tò mò của người ta. Cái linh tinh bí mật lôi kéo người ta vào nhục dục thực là mạnh mẽ. Trong bầu không-khí nóng rực đó bao nhiêu lệ-luật của văn minh đều bị quét sạch. Người ta đứng trước sự-thực tàn nhẫn.

Trong quán rượu Strickland và Nichols đang ngồi, người ta đang khiêu-vũ theo điệu âm-nhạc của một cái kèn máy kêu the the. Chung quanh các bàn là những bộ mặt long lanh trên những cánh tay lực lưỡng và vẽ trâm. Chỗ này mấy anh thủy thủ đang say, chỗ kia mấy ông lính tây lạng lổ lảo lư nhìn vãi ả môi đỏ như máu, ở giữa, như d n lấy nhau vãi « cặp » đang quay. Sau lưng đàn bà là những bắp tay thô bở, nặng nề và sứt xẹo. Những anh lính thủy râu ria, mắt long lên sò g sọc đang lôi kéo mấy cô vũ nữ vào một trong bóng tối. Đàn bà chỉ còn một lần áo lót mình. Thỉnh thoảng, hai anh lính thủy đứng phắt dậy và ôm nhau mà nhảy. Tiếng hát, tiếng cười, tiếng nói cùng với tiếng kèn hòa lại thành một tiếng ồn ào inh-tại. Khi một người đàn ông nào hôn dài lâu trên môi cô ả ngồi trong lòng thì tiếng cười của mấy người thủy thủ Anh lại nổi lên như xé. Khói làm mờ ánh đèn. Càng khuya khi giờ càng nóng rực. Sau cửa hàng, một người đàn bà đỡ vú cho con bú. Thằng Boy, một thanh-niên gầy-gò, mặt vàng như nghệ đi đi lại lại, tay bẻ một khay đầy rượu

Dang ồn ào thì Bill lão đảo bước vào, theo sau là hai thằng da đen lực lưỡng cũng đã say lằm. Bill như đang muốn khiêu chiến với ai. Vương dầy vào chân bàn, hắn làm cho bàn nghiêng và mấy cốc rượu của ba người lính ngồi đấy đổ tung tóe. Hai bên mới chực nhau chưa kịp dàn chiến thì lên sột quẩn, mà ai ai cũng không nề vì hắn có quả dăm « thối-sơn », đứng dậy mời Bill ra ngoài. Bill ngần ngại. Sở cảnh sát sẽ bênh vực cho... Thôi đừng dính vào hắn là hơn.

Một đêm khác Bill quay ra, đi suốt đường thấy Strickland. Bill lão đảo bước đi gần và

phòng mồm lấy hết nước bọt nhổ toẹt vào mặt Strickland. Strickland cầm lấy cốc ném mạnh vào Bill. Những người đang khiêu vũ đều ngừng lại.

Không ai bảo ai mà mọi người đều im lặng. Cái im lặng nặng chầu của cảnh trời trước cơn giông. Nhưng khi Bill nhảy xổ vào đám Strickland thì mọi người đều như say chiến, và cuộc đấu đã thành ra tử bụi. Những bàn đều chống ngược và những chai cũng cốc đều thành đạn tung tóe đập vào tường hay rơi loảng xoảng xuống đất. Đám họ đều chạy chôn hoặc rúp ràng sau quầy hàng. Những câu chữ của đủ mọi thứ tiếng đối nhau chan chát giữa tiếng dấm buynh huých, tiếng kêu, tiếng rên và ở giữa buồng độ 12 người đang điên rồ quần nhau. Nhân viên soát sát bỗng ập vào. Ai nấy đều ba chân bốn cẳng tìm đường tàu thoát. Khi người ta đã dọn qua được buồng thì trên một vũng máu đỏ lênh láng là Bill, với một vết chém ở đầu, sống soai nằm bất tỉnh nhân sự. Quần áo bị xé tan, Strickland lộ một cánh tay dấm máu. Còn Nichols mà bị một quả dấm xung hông thì đang cố lôi kéo Strickland đi.

— Tôi khuyên anh nên từ giả Marseille trong khi Bill còn nằm ở nhà thương.

Nichols bảo Strickland khi đã đưa nhau về hàng cơm trắng Chink.

— Thật là một cuộc trôi gá!

Tôi như nghe thấy tiếng cười gằn chưa chất của Strickland.

Biết tình thâm thù của Bill Nichols lộ cho Strickland lắm và lo cho cả mình; đã hai lần Strickland thấy những đống cỏ mọc đứn lẩn lút ở dưới chân. Và lại khi tình rượu thắm « cảo » da nâu ấy không phải là một dịch thù tâm thường.

Nó còn đang tìm dịp. Một đêm kia, Strickland sẽ « nhận » một hay hai nhát dao vào sau lưng và một hai ngày sau, « người ta » đã cần được ở trong vùng nước bắn tỉa của bên tàu xác một tiếng « má-ch-bờ » trong rổ cần cước.

Quần họ sau Nichols lặng lẽ lại gần nhà Bill người ta tức. Nhưng nó vẫn còn nằm trong

nhà thương. Chỉ có con vợ nó có nhà, lúc nào cũng léo xéo nói! Khi nào « ba nó » về thì sẽ xử cho Strickland một trận.

Một tuần lễ qua.

— Tôi vẫn dân, phải thế luôn, Nichols nói, dọng trầm ngâm. Khi nào mình định xử một thân nào, thì phải cho nó một trùy nặng như thế, mình còn đủ thì giờ mà nghỉ ngơi và hành động sau này.

Sự tình cờ giúp Strickland. Một chiếc tàu sang Úc-Châu cần một người đốt than.

Người ta mách Strickland.

— Con ra bến ngay và ký giấy giao kèo đi — Viên thuyền-trưởng vui vẻ bảo Strickland, sản khi xem giấy má.

Strickland đi ngay, và từ hồi đó Nichols không gặp hắn nữa. Tàu đỗ có 6 giờ ở Marseille và chiều đến, ra tiễn bạn, Nichols buồn dàu nhìn con tàu dần dần biến về phương Đông, trên mặt bể xám xịt đầy sương mù.

(Còn nữa)

LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

NHA XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

HOÀNG ĐẠO THUY

Trái nước Nam lâm

gi ? 4.60

Nghe Thầy 4.00

DẶNG THAI MAI

Lô Tân 6.00

NGUYỄN HỒNG

Hơi thở tàn 6.00

TRẦN TÌNH

Ngâm ngái lim trầm 2.09

XUÂN DIỆN

Cải hương cho gió 12.00

Trường ca 7.00

ĐẶNG THAI MAI

Nguyễn Thanh (Nguyễn)

Xuân Diên (Thanh niên với quốc văn)

Đặng Thới (Thanh niên với quốc văn)

MẤY VẤN-ĐỀ VỀ TIỂU CÔNG NGHỆ VIỆT-NAM

B. T.

Trong mấy năm chiến tranh, sự giao thông với ngoại quốc bị đình trệ, hàng hóa nhập cảng mỗi ngày một hiếm. Nước ta muốn có đủ đủ dùng đã phải nghĩ cách mà tự chế lấy. Nhưng kỹ nghệ của ta bấy còn vào thời kỳ phôi thai, các xưởng máy thật là ít ỏi, lại thiếu cả khí cụ và nhân công chuyên môn. Vì thế ấy mà các Tiểu công nghệ nước nhà tỏ cái danh dự được cả quốc dân trông ngóng vào và mong sao sự hoạt động cần cù của họ không hề chững ta quá thiếu thốn. Nhưng thực ra, từ trước ai cũng hiểu nền Tiểu công nghệ là rất cần và gồm rất nhiều nghề mà nhiều người làm từ thôn thôn quê tới nơi thành thị.

Địa điểm ở xứ ta thì rộng nhưng phần nhiều chênh lệch vùng nọ khác vùng kia nhiều; số dân định ở tụ họp chỗ đông chỗ vắng khác nhau. Ở trong Nam nhờ ruộng đất tốt, dân định không quá đông nên thường chuyên về nông nghiệp mà sự sinh sống vẫn được dễ dàng. Ở trong ấy, Tiểu công nghệ không được phát đạt và lại là nơi tiêu thụ hàng hóa của các miền khác. Nhiều nơi ở Trung và ở Bắc tuy được sung túc về nghề nông; nhưng Tiểu công nghệ làm trong lúc rảnh rỗi cũng giúp thêm vào sự chi tiêu của nhiều người. Nhưng nhiều làng dân cư vì quá đông so với diện tích ruộng, hoặc đất cát không được phì nhiêu. Không cung cấp cho mọi gia đình một số hoa lợi đầy đủ. Ở trung châu miền Bắc, trong nhiều làng dân sinh sản mỗi ngày một đông rồi cứ chen chúc sô dầy nhau. Kể thiếu ăn, tay chân lấm tay bẩn, gồng gánh, mò cua bắt ốc thật là vất vả

mà quanh năm vẫn ở trong cảnh cực khổ. Ké có dư dật đồng tiền thì xa phí vì nhàn rỗi mà thành ra rượu chè cờ bạc. Ở những nơi như thế Tiểu công nghệ là một phương sách chữa nạn đói khổ, lại là một cách trừ nạn thất nghiệp, trong khi chờ một chương trình hoàn bị về di dân.

Tiểu công nghệ là một vấn đề trọng yếu cho sự sinh hoạt cho toàn thể xứ ta, lại hợp với trình độ xã hội và nông nghiệp của dân ta. Tuy vậy nó không mâu thuẫn, lại rất thích hợp với mọi trương trình khuyến khích Trương Kỹ nghệ. Ở nhiều cường quốc chúng ta thấy kỹ nghệ và Tiểu công nghệ cùng được phát đạt. Thế đủ tỏ rằng đó là hai vấn đề kinh tế có thể đi đôi được với nhau và có thể tương trợ với nhau.

Nên điều tra về Tiểu công nghệ

Các nhà Tiểu công nghệ ở tản mác khắp nơi. Chúng tôi tưởng nên lập danh sách các nghề trong từng tỉnh. Hiện bây giờ các sự khai trình các làng làm nhiều khi lộn độn yả lại điều lệ về các tiểu công nghệ chưa được ấn định. Vậy chúng tôi tưởng cái danh sách ấy nên kê tất cả các nghề, ở nhà quê hay ở thành thị, hoặc chế tạo bằng tay hay bằng máy sơ sài cỡ nhỏ; hoặc dùng máy tinh xảo cần đến thợ đẽo đục thợ thợ. Cuộc điều tra này cần làm theo các câu hỏi sau đây để chính phủ thấu hiểu tình thế căn bản ở mỗi nơi của các nghề:

1) Tên nghề — Tên làng. — Tên cáo chủ xưởng Sô xưởng cùng, làm một nghề ở trong làng.

2) Số thợ chuyên môn làm trong nghề. Định theo bản ghi tên các thợ ấy. Các người phụ việc hay các chủ không chuyên môn thì không kê vào đây.

3) Số người làm trong các xưởng chuyên môn hay không để tỏ rõ lực lượng của nghề ấy.

4) Khai các dụng cụ cần trong nghề (tên các dụng cụ ấy; chế tạo thế nào hay mua ở đâu; vẽ qua các đồ ấy, v.v...). Các đồ dùng đủ hay thiếu.

5) Các nguyên liệu (Tên, lấy hay mua ở đâu, chở đến cách nào, đường nào).

6) Nơi tiêu thụ các hàng sản xuất ra.

7) Tình thế riêng của nghề ở trong làng. Sự tiêu thụ các hàng. Thừa hay thiếu việc làm. Cho biết số diện tích và hoa lợi ruộng công hay tư cùng là dân số của làng.

8) Lịch sử của mỗi nghề — nếu có thể biết được. — Rồi ra nên nghĩ cách sưu tầm các kiểu mẫu cũ hay mới mà nghề ấy đã sản xuất ra.

9) Trong các thành thị, các ông trưởng phố nên làm bản kê cứ này.

Các điều kê cứ xong về mỗi nghề nên viết ra làm ba bản để ở làng, ở tỉnh và ở bộ Giáo dục hay ở bộ Kinh tế cho tiện việc nghiên cứu. Theo đó chính phủ có thể hiểu biết trình độ chuyên môn và tình thế của từng nghề, và ấn định các điều lệ tổ chức các nghề để đi tới việc giảng dạy chuyên môn và công cuộc tập sự trong các tiểu công nghệ.

Hội đồng chuyên nghiệp.

Các Tiểu công nghệ tuy đông mà hiện bây giờ không có liên lạc và đoàn kết. Như vậy có hại cho sự tiến tới về đường tinh thần và vật chất của họ. Và lại ít hiểu biết, chỉ an phận làm việc, họ không có ai thực lòng đứng đầu hướng dẫn lên con đường châu hưng. Không có sự tổ chức nào có thể bảo vệ họ; và thối đến công việc khó khăn họ vẫn nhún nại mà làm trong lúc gặp

những trở ngại. Mấy năm sau đây các kỳ thi Tiểu công nghệ có khốn khố đòi hỏi sự tìm tòi nghiên cứu; nhưng nhiều quy tắc và điều lệ về sự chấm thi, việc cử các ban giám khảo và cách ban thưởng còn cò khuyết điểm. Nên tuy làm phần khởi phần nhiều người chán thản yếu nghề thì cũng làm bôn tầu nhiều kẻ muốn quảng cáo hay chuộng hư danh. Nên Tiểu công nghệ cần được bênh vực, cần phát đạt các ngành chuyên môn cần, có luyện tập cần thận. Những cuộc triển lãm, các kỳ thi chỉ là một phần tử nhỏ trong một trường trình tổ chức bao quát nhiều vấn đề quan trọng hơn.

Vấn đề cần nhất, chúng tôi tưởng là việc lập một cơ quan chuyên nghiệp để họp lại thành một khối chặt chẽ các nhà Tiểu công nghệ. Chúng tôi xin trình bày sau đây mấy thiện ý về sự tổ chức các Hội Đồng chuyên nghiệp Tiểu công nghệ:

Theo bản điều tra nói trên kia, rồi ông quận trưởng, (huyện, phủ) yêu cầu các nhà chuyên môn Tiểu công nghệ ra khai tên cho các ông Lý Trưởng ở làng. Họ sẽ là hội viên ở Liên đoàn chuyên nghiệp các nghề ở tổng; mỗi năm đóng một số tiền nhỏ để vào việc chi phí về chuyên nghiệp trong tổng, quận hay tỉnh.

Ông quận trưởng cử trong mỗi tổng một số đại biểu cho các nghề. Cứ mười người trong một nghề thì có một đại biểu; một số kém mười người cũng có một đại biểu. Người được chọn là người khéo nhất hay làm lâu năm nhất trong nghề. Mọi đồng chuyên nghiệp ở mỗi tổng gồm tất cả các đại biểu thay mặt cho các nghề trong tổng. Hội Đồng có một ban trị sự: một ông trưởng ban, hai ông phó trưởng ban, một ông thủ quỹ; một ông thư ký và các ủy viên đều là đại biểu cho mỗi nghề trong tổng thêm ba ông cố vấn: một ông giáo học, một nhà buôn, một nhà nông. Các nhân viên trong ban đều do ông quận trưởng cử.

Hội đồng chuyên nghiệp ở quận: gồm tất các nhân viên ở ban trị sự chuyên nghiệp các tổng trừ các ông, cố vấn. Ban trị sự chuyên

ngành ở quận cũ : một ông trưởng ban là ông quận trưởng ; các ủy viên thay mặt mỗi người cho mỗi nghề ở quận do ông quận trưởng cử — Các ủy viên tự bầu lấy hai ông phó trưởng ban, một ông thủ quỹ, một ông thư ký, — Thêm ba ông cố vấn : một ông giáo học, một nhà buôn, một nhà nông do ông quận trưởng cử,

Hội đồng chuyên nghiệp ở tỉnh : gồm tất cả các ủy viên, đại biểu cho các nghề ở trong ban trị sự chuyên nghiệp các quận (trừ các ông cố vấn). Ban trị sự chuyên nghiệp ở tỉnh : ông trưởng ban là ông tỉnh trưởng ; các ủy viên do ông tỉnh trưởng cử thay mặt cho mỗi nghề ở trong tỉnh lấy trong số đại biểu ở Hội Đồng. Các ủy viên tự bầu lấy hai phó trưởng ban, một chánh thủ quỹ, một phó thủ quỹ, một chánh thư ký, một phó thư ký. Thêm sáu ông cố vấn : ông đốc học, ông kỹ sư canh nông, ông chủ nông phố ngân hàng, một nhà buôn, một nhà kỹ nghệ, một nhà nông do ông tỉnh trưởng cử.

Các Hội Đồng chuyên nghiệp ở tổng, quận hay tỉnh có các cuộc họp thường niên hay bất thường (do các ủy viên yêu cầu). Các ban trị sự nên họp mỗi tháng một lượt và có trọng trách là thi hành triệt để các điều lệ, trưng trình do Hội Đồng chuyên nghiệp hay Chính phủ quyết nghị.

Muốn giải quyết một vấn đề gì khó khăn, ban Trị sự chuyên nghiệp của tỉnh trưởng có thể cử những người không có chân trong Hội Đồng chuyên nghiệp họp thành một ban đặc biệt có ủy quyền để xem xét và đề nghị về vấn đề ấy.

Các hội viên cùng nghề trong Liên đoàn chuyên nghiệp các nghề có thể họp thành một Liên đoàn chuyên nghiệp riêng cho nghề ấy ở tỉnh : Các đại biểu của liên đoàn có thể họp thành một ban trị sự của nghề. Mỗi vấn đề riêng của nghề sẽ do ban trị sự ấy bàn luận trước khi đề lên ban trị sự chuyên nghiệp các nghề ở tỉnh hay lên chính phủ quyết nghị.

Ở các thị trấn nhỏ, các nhà chuyên môn trong giới Tiểu công nghệ nên bầu tên ở thị trấn. Các đại biểu ở Hội Đồng chuyên nghiệp sẽ do ông Thị Trưởng cử ra. Cứ mười người thì có một đại biểu. — Ban Trị sự chuyên nghiệp : trưởng ban là ông thị trưởng và các ủy viên đại biểu cho mỗi nghề, do ông thị trưởng cử trong nhân viên ở Hội Đồng chuyên nghiệp. Các ủy viên tự cử lấy hai ông phó trưởng ban, một ông thủ quỹ, một ông thư ký. Thêm vào đó sáu ông cố vấn : một ông đốc học, một nhà mỹ nghệ, một nhà mỹ thuật ; một kỹ sư canh nông, một nhà kỹ nghệ, một nhà buôn, tùy theo các thân hào có ở đấy.

Các Hội Đồng chuyên nghiệp ở thành thị nên có một vài quy tắc khác ở nhà quê. Các nơi đô-hội có độ hơn 10 vạn người, hội đồng chuyên nghiệp nên có tư cách của một hội đồng ở hàng tỉnh. Như vậy ban Trị Sự chuyên nghiệp có đủ quyền mà tự tổ chức mà giúp đỡ các Tiểu công nghệ. Các nơi đô-hội nhỏ thì nên cho có tư cách như một quận hay một tổng tùy theo số dân tiểu công nghệ và theo ý định của chính phủ.

Trong các Hội Đồng chuyên nghiệp nhiều người sẽ lấy làm ngạc nhiên là chúng tôi đã bàn nên đề các ông quận trưởng, tỉnh trưởng và thị trưởng một nhiệm vụ quan trọng. Chúng tôi sẽ dĩ nghĩ như vậy là vì dân tiểu công nghệ phần nhiều còn kém học thức, óc phán đoán hãy còn hăm hồ. Nay nhất đán giao cho họ tất cả quyền trong các Hội Đồng chuyên nghiệp ; Chúng tôi e rằng chỉ gây ra một cơ quan hỗn loạn mà công cuộc chấn hưng khổ lòng mà thực hiện được. Và lại chính phủ không được di chuyển các điều bàn luận thì khó mà giúp được họ. Các hội đồng và các ban Trị Sự tổ chức như nói trên cũng chỉ tạm thời trong ban đầu năm, trong khi chờ năng lực dân trị

Các hội đồng công nghệ và chuyên nghiệp không có một liên lạc chính trị gì. Nhất viên

của chính phủ ở trong ấy chỉ là nâng cao nhiệm vụ của nhà nước đối với Tiểu công nghệ. Có người lấy lý do ngại ngại thái độ các ông lãnh đạo đối với việc công ích. Nhưng chúng tôi tin rằng một nước độc-lập sẽ có những công chức xứng đáng với ý muốn của quốc dân và thể nào cũng khác với nhân viên của một chế độ hà-khắc. Trong các ban trị-sự, các ông cố vấn là rất cần để hướng dẫn các ủy viên trong sự định đoạt các việc.

Các hội đồng chuyên nghiệp được các ban trị-sự giúp đỡ có các nhiệm vụ sau đây:

1) Tổ-chức và điều khiển các việc mặt thiết đến Tiểu-công-nghệ; nhất là các công cuộc tập sự chuyên-môn trong các nghề.

2) Nâng cao tư cách chuyên-môn của các thợ đã có tuổi và ấn định một trật tự cao thấp về chuyên-môn cho mỗi nghề.

3) Giám sát các nhà Tiểu-công-nghệ để nâng cao tinh thể tinh thần và vật chất của các nghề; định các cách để tăng số thợ ở nơi nào thiếu, tính việc cung cấp về nguyên liệu, mua các sách chuyên-môn bán cho các nhà Tiểu-công nghệ; chỉ bảo cho họ sự cung cầu về các hàng họ làm ra.

4) Kiểm soát các hàng chế tạo ra; nâng cao trình độ các đồ sản xuất ra; mở các cuộc thi hay Triển-Lãm Tiểu-công-nghệ.

5) Đề nghị các cách giúp đỡ các nhà Tiểu-công-nghệ về đường lý tài; tổ-chức quỹ Tiểu-công-nghệ để cho vay mà có chính phủ giúp. Bán một giá vốn các đồ dụng cụ cho các thợ mới ra và cho trả tiền dần.

Bộ Giáo Dục và Kinh-Tế nên lập một phòng chuyên-nghiệp Tiểu-công nghệ có đủ nhà và địa điểm để điều khiển các hội đồng chuyên nghiệp các tỉnh cho các sự hành động có hợp nhất. Phòng ấy hoàn toàn thuộc quyền chính phủ, làm việc có các ông cố-vấn giúp đỡ là các người đại diện cho bộ Kinh-Tế, bộ Giáo Dục, bộ Lao-Dộng, bộ Thanh-Nông, các nhà Mỹ-Nghệ và Mỹ Thuật, các đại biểu cho các ngành, các

Kỹ-sư, các nhà buôn. Các ông cố vấn họp mỗi tháng một lượt để bàn các việc cho ông giám-đốc phòng chuyên nghiệp hay cho các Hội-đồng chuyên nghiệp các tỉnh đề nghị. Phòng chuyên nghiệp có quyền bực bỏ và sửa đổi các điều lệ, trưng trình đó hội đồng các tỉnh đề nghị mục đích là để hợp nhất các công việc.

Mỗi năm có một lần họp Đại-Hội-Nghị Toàn-Quốc có các ủy viên của các nghề trong các ban Trị-Sự chuyên nghiệp các tỉnh đến dự; như vậy chính phủ có thể hiểu biết tình thế và các nguyện vọng của giới Tiểu-công-nghệ

(Còn nữa)

B. T. V.

Thanh niên thôn quê muốn gì?

(Tiếp theo trang 6)

Còn anh em Thanh-niên thôn quê thì, đã lâu phải sống cái đời trống rỗng cả hình thể lẫn tinh-thần, tỉ số lại gặp bội Thanh-niên ngoài tỉnh, vậy tất phải được Bộ Thanh-niên chú ý đặc biệt, và bắt đầu ngay bằng anh em thôn quê trong khi làm cái chương-trình cải-tạo Thanh-niên của dân-tộc. Muốn cho công-cuộc được chóng vánh, nhà Thanh-niên Bắc bộ cần phải ủng hộ ngay về mỗi vùng quê một nhân viên điều tra, chẳng những để liên lạc với Thanh-niên dân chúng, mà còn tiếp xúc cả với quan lại lý dịch địa phương để định đoạt nhanh chóng việc bổ-nhiệm thủ lĩnh.

Việc tuyển bổ xong rồi, những người trong ban điều tra sẽ là người giữ trách-nhiệm, liên lạc, họ sẽ thành người cố vấn giúp vào công việc tiến hành của các đoàn thể trong vùng. Làm như thế, công cuộc tổ-chức Thanh-niên thôn quê sẽ được công bình và sắc thực hơn là bằng vào mấy lớp giấy tờ gửi đi đáp lại.

PHẠM LỢI

CHÚNG TA ĐÃY :

— CHĂM CHÚ NHẬN RỒI NGÀY NAY.

— VỮNG LÒNG TIN CẬY NGAY MAI.

— ĐOÀN KẾT ĐỂ THẮNG HẾT MỌI TRỞ LỰC ..

CHÚ Ý :

CÙNG CÁC ĐỘC-GIA DÀI HẠN :

Những bạn đọc mua từng năm một đem biên-lai hay gửi về tòa báo mua cuốn « Văn-đề cải-cách giáo-dục » của Vũ-dình-Hòa sẽ được trừ 0%.

Những bạn nào mua đủ một năm ngay trong khoảng 3 tháng Ba, Tư, Năm năm 1944 (khí báo Thanh-Nghị bắt đầu đổi từ hàng tháng ra hàng tuần), đem biên-lai hay gửi về tòa báo sẽ được h'eu cuốn « Văn-đề cải-cách giáo-dục » của Vũ-dình-Hòa.

Tác bạn n'ó gửi 0\$ 12 bằng tem kèm theo biên lai về tòa báo để làm cước phí.

THANH NGHỊ TỪNG THƯ — 15, Phố L'ặng Đại Hà - Nội

Cuốn sách đầu tiên trong bộ Thanh-Nghị từng thu

ĐÃ PHÁT HÀNH NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 1945

NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC Ở CÁC NƯỚC VÀ VĂN-ĐỀ

CẢI CÁCH GIÁO DỤC

của **VŨ ĐÌNH HỒE** — GIÁ 7\$00

- Chương nhất — Những phương pháp giáo dục ở các nước
Chương hai — Cải tạo tinh thần
Chương ba — Những nền móng của một cuộc xây dựng về giáo dục
Chương tư — Cuộc cải cách giáo dục ở Pháp
Chương năm — Vai ý nghĩ về việc cải cách giáo dục ở Pháp
Chương sáu — Việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam
(Phần lý thuyết)
Chương bảy — Việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam
(Phần thực hành).

ĐẠI LÝ NGÀI NÀO NHẬN BÁN BAO NHIÊU, XIN GỬI GIA ĐU NGAY
TIỀN, LẤY TỪ 10 QUYỀN GIO' LÊN. TRỪ HOA BỒNG 20%.
GỬI NGÂN PHIẾU (HỌ: VŨ ĐÌNH HOE 15 PHỐ HÀNG DÀ, HÀ-NỘI)



Đang in

===== CUOC TIEN HOA CUA =====

NÊN TƯ' BẢN ÂU TÂY

của **VŨ VĂN HIỀN**

Chủ nhiệm : **VŨ ĐÌNH HỒE** — in riêng của T. N.
GIẤY PHÉP NGÀY 10 THÁNG CHẬP NĂM 1944 SỐ 6709